

KẾT QUẢ CHUYỂN ĐIỂM HỌC PHẦN TIẾNG ANH KHÓA 47 ĐHCQ ĐỢT THÁNG 3 NĂM 2023 _CHÍNH THỨC

(Ban hành kèm theo QĐ số 734 / QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 20 tháng 03 năm 2023)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1	31211020150	Nguyễn Đăng Khánh	Trần	IN002 - Bảo hiểm K47	Bảo hiểm - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	760	10.00
2	31211020150	Nguyễn Đăng Khánh	Trần	IN002 - Bảo hiểm K47	Bảo hiểm - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	760	10.00
3	31211021605	Trần Huyền	Trần	IN002 - Bảo hiểm K47	Bảo hiểm - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	765	10.00
4	31211020150	Nguyễn Đăng Khánh	Trần	IN002 - Bảo hiểm K47	Bảo hiểm - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	760	10.00
5	31211021605	Trần Huyền	Trần	IN002 - Bảo hiểm K47	Bảo hiểm - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	765	10.00
6	31211020150	Nguyễn Đăng Khánh	Trần	IN002 - Bảo hiểm K47	Bảo hiểm - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	760	10.00
7	31211020814	Đặng Minh	Huyền	RE001 - Bất động sản K47	Bất Động sản - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	770	10.00
8	31211020814	Đặng Minh	Huyền	RE001 - Bất động sản K47	Bất Động sản - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	770	10.00
9	31211020814	Đặng Minh	Huyền	RE001 - Bất động sản K47	Bất Động sản - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	770	10.00
10	31211020814	Đặng Minh	Huyền	RE001 - Bất động sản K47	Bất Động sản - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	770	10.00
11	31211020841	Hồ Công Anh	Nhật	RE001 - Bất động sản K47	Bất Động sản - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	780	10.00
12	31211020841	Hồ Công Anh	Nhật	RE001 - Bất động sản K47	Bất Động sản - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	780	10.00
13	31211020841	Hồ Công Anh	Nhật	RE001 - Bất động sản K47	Bất Động sản - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	780	10.00
14	31211020841	Hồ Công Anh	Nhật	RE001 - Bất động sản K47	Bất Động sản - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	780	10.00
15	31211025795	Nguyễn Duy	Thu	RE001 - Bất động sản K47	Bất Động sản - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	640	10.00
16	31211025795	Nguyễn Duy	Thu	RE001 - Bất động sản K47	Bất Động sản - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	640	10.00
17	31211025795	Nguyễn Duy	Thu	RE001 - Bất động sản K47	Bất Động sản - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	640	9.00
18	31211025795	Nguyễn Duy	Thu	RE001 - Bất động sản K47	Bất Động sản - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	640	8.00
19	31211023192	Mã Thụy Kim	Ngân	RE002 - Bất động sản K47	Bất Động sản - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	600	10.00
20	31211023192	Mã Thụy Kim	Ngân	RE002 - Bất động sản K47	Bất Động sản - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	600	10.00
21	31211023192	Mã Thụy Kim	Ngân	RE002 - Bất động sản K47	Bất Động sản - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	600	9.00
22	31211023192	Mã Thụy Kim	Ngân	RE002 - Bất động sản K47	Bất Động sản - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	600	8.00
23	31211021467	Lê Thời Chiến	Thắng	FI001 - Đầu tư tài chính 01 - K47	Đầu tư tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	720	10.00
24	31211021467	Lê Thời Chiến	Thắng	FI001 - Đầu tư tài chính 01 - K47	Đầu tư tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	720	10.00
25	31211021467	Lê Thời Chiến	Thắng	FI001 - Đầu tư tài chính 01 - K47	Đầu tư tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	720	10.00
26	31211021467	Lê Thời Chiến	Thắng	FI001 - Đầu tư tài chính 01 - K47	Đầu tư tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	720	10.00
27	31211021531	Trần Nguyễn Anh	Tú	FI001 - Đầu tư tài chính 01 - K47	Đầu tư tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	780	10.00
28	31211021531	Trần Nguyễn Anh	Tú	FI001 - Đầu tư tài chính 01 - K47	Đầu tư tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	780	10.00
29	31211021531	Trần Nguyễn Anh	Tú	FI001 - Đầu tư tài chính 01 - K47	Đầu tư tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	780	10.00
30	31211021531	Trần Nguyễn Anh	Tú	FI001 - Đầu tư tài chính 01 - K47	Đầu tư tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	780	10.00
31	31211027130	Phạm Nguyễn Ngọc	Đào	ER001 - Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp 01 - K47	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	850	10.00
32	31211027130	Phạm Nguyễn Ngọc	Đào	ER001 - Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp 01 - K47	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	850	10.00
33	31211027130	Phạm Nguyễn Ngọc	Đào	ER001 - Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp 01 - K47	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	850	10.00
34	31211027130	Phạm Nguyễn Ngọc	Đào	ER001 - Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp 01 - K47	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	850	10.00
35	31211027152	Trần Gia Bảo	Hân	ER001 - Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp 01 - K47	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	645	10.00
36	31211027152	Trần Gia Bảo	Hân	ER001 - Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp 01 - K47	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	645	10.00
37	31211027152	Trần Gia Bảo	Hân	ER001 - Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp 01 - K47	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	645	9.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
38	31211027152	Trần Gia Bảo	Hân	ER001 - Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp 01 - K47	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	645	8.00
39	31211027323	Nguyễn Thảo Xuân	Quỳnh	ER001 - Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp 01 - K47	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	920	10.00
40	31211027323	Nguyễn Thảo Xuân	Quỳnh	ER001 - Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp 01 - K47	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	920	10.00
41	31211027323	Nguyễn Thảo Xuân	Quỳnh	ER001 - Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp 01 - K47	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	920	10.00
42	31211027323	Nguyễn Thảo Xuân	Quỳnh	ER001 - Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp 01 - K47	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	920	10.00
43	31211027348	Trần Thùy Tuyết	Trình	ER001 - Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp 01 - K47	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	960	10.00
44	31211027348	Trần Thùy Tuyết	Trình	ER001 - Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp 01 - K47	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	960	10.00
45	31211027348	Trần Thùy Tuyết	Trình	ER001 - Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp 01 - K47	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	960	10.00
46	31211027348	Trần Thùy Tuyết	Trình	ER001 - Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp 01 - K47	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	960	10.00
47	31211027100	Trần Hoàng	Duy	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	810	10.00
48	31211027100	Trần Hoàng	Duy	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	810	10.00
49	31211027100	Trần Hoàng	Duy	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	810	10.00
50	31211027100	Trần Hoàng	Duy	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	810	10.00
51	31211020557	Phan Quốc	Huy	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	905	10.00
52	31211020557	Phan Quốc	Huy	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	905	10.00
53	31211020557	Phan Quốc	Huy	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	905	10.00
54	31211020557	Phan Quốc	Huy	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	905	10.00
55	31211020484	Lâm Thy	Nhã	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	795	10.00
56	31211020484	Lâm Thy	Nhã	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	795	10.00
57	31211020484	Lâm Thy	Nhã	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	795	10.00
58	31211020484	Lâm Thy	Nhã	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	795	10.00
59	31211021145	Lê Minh	Quân	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.5	10.00
60	31211021145	Lê Minh	Quân	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.5	10.00
61	31211021145	Lê Minh	Quân	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.5	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
62	31211021145	Lê Minh	Quân	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.5	10.00
63	31211027321	Lê Ngọc Khánh	Quỳnh	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	755	10.00
64	31211027321	Lê Ngọc Khánh	Quỳnh	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	755	10.00
65	31211027321	Lê Ngọc Khánh	Quỳnh	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	755	10.00
66	31211027321	Lê Ngọc Khánh	Quỳnh	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	755	10.00
67	31211027327	Đỗ Thị Phương	Thảo	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	755	10.00
68	31211027327	Đỗ Thị Phương	Thảo	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	755	10.00
69	31211027327	Đỗ Thị Phương	Thảo	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	755	10.00
70	31211027327	Đỗ Thị Phương	Thảo	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	755	10.00
71	31211027340	Trương Minh	Tiến	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	685	10.00
72	31211027340	Trương Minh	Tiến	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	685	10.00
73	31211027340	Trương Minh	Tiến	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	685	10.00
74	31211027340	Trương Minh	Tiến	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	685	9.00
75	31211020998	Ngô Kim	Tuyết	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	930	10.00
76	31211020998	Ngô Kim	Tuyết	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	930	10.00
77	31211020998	Ngô Kim	Tuyết	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	930	10.00
78	31211020998	Ngô Kim	Tuyết	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	930	10.00
79	31211027355	Nguyễn Thu	Việc	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	745	10.00
80	31211027355	Nguyễn Thu	Việc	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	745	10.00
81	31211027355	Nguyễn Thu	Việc	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	745	10.00
82	31211027355	Nguyễn Thu	Việc	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	745	10.00
83	31211026127	Hồ Thị Yến	Vy	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	770	10.00
84	31211027358	Nguyễn Hữu Như	Ý	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	725	10.00
85	31211027358	Nguyễn Hữu Như	Ý	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	725	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
86	31211027358	Nguyễn Hữu Như	Ý	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	725	10.00
87	31211027358	Nguyễn Hữu Như	Ý	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	725	10.00
88	31211027222	Bùi Ngọc	Khánh	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	615	10.00
89	31211027222	Bùi Ngọc	Khánh	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	615	10.00
90	31211027222	Bùi Ngọc	Khánh	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	615	9.00
91	31211027222	Bùi Ngọc	Khánh	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	615	8.00
92	31211027297	Nguyễn Thị Như	Ngọc	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	725	10.00
93	31211027297	Nguyễn Thị Như	Ngọc	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	725	10.00
94	31211027297	Nguyễn Thị Như	Ngọc	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	725	10.00
95	31211027297	Nguyễn Thị Như	Ngọc	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	725	10.00
96	31211027308	Lê Tự Khởi	Nguyên	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	780	10.00
97	31211027309	Tô Thảo	Nguyên	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	620	10.00
98	31211027308	Lê Tự Khởi	Nguyên	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	780	10.00
99	31211027309	Tô Thảo	Nguyên	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	620	10.00
100	31211027308	Lê Tự Khởi	Nguyên	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	780	10.00
101	31211027309	Tô Thảo	Nguyên	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	620	9.00
102	31211027308	Lê Tự Khởi	Nguyên	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	780	10.00
103	31211027309	Tô Thảo	Nguyên	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	620	8.00
104	31211027318	Lê Minh	Nhật	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	665	10.00
105	31211027318	Lê Minh	Nhật	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	665	10.00
106	31211027318	Lê Minh	Nhật	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	665	10.00
107	31211027318	Lê Minh	Nhật	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	665	9.00
108	31211027346	Trần Huyền	Trâm	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	750	10.00
109	31211027346	Trần Huyền	Trâm	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	750	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
110	31211027346	Trần Huyền	Trâm	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	750	10.00
111	31211027346	Trần Huyền	Trâm	BI002 - Hệ thống thông tin kinh doanh 02 - K47	Hệ thống thông tin kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	750	10.00
112	31211020133	Đoàn Thiên	Kim	KO001 - Kế toán công 01 - K47	Kế toán công - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	740	10.00
113	31211020133	Đoàn Thiên	Kim	KO001 - Kế toán công 01 - K47	Kế toán công - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	740	10.00
114	31211020133	Đoàn Thiên	Kim	KO001 - Kế toán công 01 - K47	Kế toán công - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	740	10.00
115	31211020133	Đoàn Thiên	Kim	KO001 - Kế toán công 01 - K47	Kế toán công - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	740	10.00
116	31211021794	Hà Trần Thanh	Huy	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	795	10.00
117	31211021794	Hà Trần Thanh	Huy	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	795	10.00
118	31211021794	Hà Trần Thanh	Huy	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	795	10.00
119	31211021794	Hà Trần Thanh	Huy	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	795	10.00
120	31211026054	Phan Thị Ngọc	Huyền	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	900	10.00
121	31211026054	Phan Thị Ngọc	Huyền	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	900	10.00
122	31211026054	Phan Thị Ngọc	Huyền	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	900	10.00
123	31211020829	Võ Thùy	Nam	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.5	10.00
124	31211020829	Võ Thùy	Nam	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.5	10.00
125	31211020829	Võ Thùy	Nam	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.5	10.00
126	31211024332	Nguyễn Lê Khánh	Phương	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	715	10.00
127	31211024332	Nguyễn Lê Khánh	Phương	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	715	10.00
128	31211024332	Nguyễn Lê Khánh	Phương	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	715	10.00
129	31211024332	Nguyễn Lê Khánh	Phương	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	715	10.00
130	31211020411	Lý Hoàng	Tâm	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	790	10.00
131	31211020412	Lý Quỳnh	Tâm	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	815	10.00
132	31211020411	Lý Hoàng	Tâm	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	790	10.00
133	31211020412	Lý Quỳnh	Tâm	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	815	10.00
134	31211020411	Lý Hoàng	Tâm	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	790	10.00
135	31211020412	Lý Quỳnh	Tâm	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	815	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
136	31211020411	Lý Hoàng	Tâm	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	790	10.00
137	31211020412	Lý Quỳnh	Tâm	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	815	10.00
138	31211024942	Trần Thị Hoài	Thương	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	740	10.00
139	31211024942	Trần Thị Hoài	Thương	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	740	10.00
140	31211024942	Trần Thị Hoài	Thương	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	740	10.00
141	31211024942	Trần Thị Hoài	Thương	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	740	10.00
142	31211022010	Hoàng Bảo	Trâm	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	830	10.00
143	31211022010	Hoàng Bảo	Trâm	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	830	10.00
144	31211022010	Hoàng Bảo	Trâm	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	830	10.00
145	31211022010	Hoàng Bảo	Trâm	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	830	10.00
146	31211026887	Huỳnh Thị Huệ	Trân	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	655	10.00
147	31211026887	Huỳnh Thị Huệ	Trân	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	655	10.00
148	31211026887	Huỳnh Thị Huệ	Trân	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	655	10.00
149	31211026887	Huỳnh Thị Huệ	Trân	KN001 - Kế toán doanh nghiệp 01 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	655	9.00
150	31211020328	Tiêu Kim	Phụng	KN002 - Kế toán doanh nghiệp 02 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	725	10.00
151	31211020328	Tiêu Kim	Phụng	KN002 - Kế toán doanh nghiệp 02 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	725	10.00
152	31211020328	Tiêu Kim	Phụng	KN002 - Kế toán doanh nghiệp 02 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	725	10.00
153	31211020328	Tiêu Kim	Phụng	KN002 - Kế toán doanh nghiệp 02 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	725	10.00
154	31211026654	Nguyễn Hoàng	Tâm	KN002 - Kế toán doanh nghiệp 02 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	720	10.00
155	31211026654	Nguyễn Hoàng	Tâm	KN002 - Kế toán doanh nghiệp 02 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	720	10.00
156	31211026654	Nguyễn Hoàng	Tâm	KN002 - Kế toán doanh nghiệp 02 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	720	10.00
157	31211026654	Nguyễn Hoàng	Tâm	KN002 - Kế toán doanh nghiệp 02 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	720	10.00
158	31211025202	Lại Thị Ngọc	Diễm	KN003 - Kế toán doanh nghiệp 03 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	680	10.00
159	31211025202	Lại Thị Ngọc	Diễm	KN003 - Kế toán doanh nghiệp 03 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	680	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
160	31211025202	Lại Thị Ngọc	Diễm	KN003 - Kế toán doanh nghiệp 03 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	680	10.00
161	31211025202	Lại Thị Ngọc	Diễm	KN003 - Kế toán doanh nghiệp 03 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	680	9.00
162	31211022762	Phạm Quang	Huy	KN003 - Kế toán doanh nghiệp 03 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	695	10.00
163	31211022762	Phạm Quang	Huy	KN003 - Kế toán doanh nghiệp 03 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	695	10.00
164	31211022762	Phạm Quang	Huy	KN003 - Kế toán doanh nghiệp 03 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	695	10.00
165	31211022762	Phạm Quang	Huy	KN003 - Kế toán doanh nghiệp 03 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	695	9.00
166	31211026484	Tô Thị Thúy	Quyên	KN003 - Kế toán doanh nghiệp 03 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	680	10.00
167	31211026484	Tô Thị Thúy	Quyên	KN003 - Kế toán doanh nghiệp 03 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	680	10.00
168	31211026484	Tô Thị Thúy	Quyên	KN003 - Kế toán doanh nghiệp 03 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	680	10.00
169	31211026484	Tô Thị Thúy	Quyên	KN003 - Kế toán doanh nghiệp 03 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	680	9.00
170	31211021954	Đỗ Như	Quỳnh	KN003 - Kế toán doanh nghiệp 03 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	750	10.00
171	31211021954	Đỗ Như	Quỳnh	KN003 - Kế toán doanh nghiệp 03 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	750	10.00
172	31211021954	Đỗ Như	Quỳnh	KN003 - Kế toán doanh nghiệp 03 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	750	10.00
173	31211021954	Đỗ Như	Quỳnh	KN003 - Kế toán doanh nghiệp 03 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	750	10.00
174	31211023266	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	KN004 - Kế toán doanh nghiệp 04 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	750	10.00
175	31211023266	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	KN004 - Kế toán doanh nghiệp 04 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	750	10.00
176	31211023266	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	KN004 - Kế toán doanh nghiệp 04 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	750	10.00
177	31211023266	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	KN004 - Kế toán doanh nghiệp 04 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	750	10.00
178	31211024934	Đặng Thanh	Ngọc	KN004 - Kế toán doanh nghiệp 04 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	655	10.00
179	31211024934	Đặng Thanh	Ngọc	KN004 - Kế toán doanh nghiệp 04 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	655	10.00
180	31211024934	Đặng Thanh	Ngọc	KN004 - Kế toán doanh nghiệp 04 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	655	10.00
181	31211024934	Đặng Thanh	Ngọc	KN004 - Kế toán doanh nghiệp 04 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	655	9.00
182	31211020300	Nguyễn Khánh	Quỳnh	KN004 - Kế toán doanh nghiệp 04 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	715	10.00
183	31211020300	Nguyễn Khánh	Quỳnh	KN004 - Kế toán doanh nghiệp 04 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	715	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
184	31211020300	Nguyễn Khánh	Quỳnh	KN004 - Kế toán doanh nghiệp 04 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	715	10.00
185	31211020300	Nguyễn Khánh	Quỳnh	KN004 - Kế toán doanh nghiệp 04 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	715	10.00
186	31211022985	Lưu Hữu	Trung	KN005 - Kế toán doanh nghiệp 05 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	745	10.00
187	31211022985	Lưu Hữu	Trung	KN005 - Kế toán doanh nghiệp 05 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	745	10.00
188	31211022985	Lưu Hữu	Trung	KN005 - Kế toán doanh nghiệp 05 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	745	10.00
189	31211022985	Lưu Hữu	Trung	KN005 - Kế toán doanh nghiệp 05 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	745	10.00
190	31211020408	Khúc Ngọc Khánh	Vy	KN008 - Kế toán doanh nghiệp 08 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	865	10.00
191	31211020408	Khúc Ngọc Khánh	Vy	KN008 - Kế toán doanh nghiệp 08 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	865	10.00
192	31211020408	Khúc Ngọc Khánh	Vy	KN008 - Kế toán doanh nghiệp 08 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	865	10.00
193	31211020408	Khúc Ngọc Khánh	Vy	KN008 - Kế toán doanh nghiệp 08 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	865	10.00
194	31211023790	Nguyễn Thị Thu	Hiền	KN010 - Kế toán doanh nghiệp 10 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	745	10.00
195	31211023790	Nguyễn Thị Thu	Hiền	KN010 - Kế toán doanh nghiệp 10 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	745	10.00
196	31211023790	Nguyễn Thị Thu	Hiền	KN010 - Kế toán doanh nghiệp 10 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	745	10.00
197	31211023790	Nguyễn Thị Thu	Hiền	KN010 - Kế toán doanh nghiệp 10 - K47	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	745	10.00
198	31211021942	Dương Hiến	Quang	KNC01 - Kế toán doanh nghiệp CLC TA K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513125	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	975	10.00
199	31211021942	Dương Hiến	Quang	KNC01 - Kế toán doanh nghiệp CLC TA K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513126	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	975	10.00
200	31211021942	Dương Hiến	Quang	KNC01 - Kế toán doanh nghiệp CLC TA K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513127	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	975	10.00
201	31211021942	Dương Hiến	Quang	KNC01 - Kế toán doanh nghiệp CLC TA K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513128	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	975	10.00
202	31211021942	Dương Hiến	Quang	KNC01 - Kế toán doanh nghiệp CLC TA K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513129	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	975	10.00
203	31211021942	Dương Hiến	Quang	KNC01 - Kế toán doanh nghiệp CLC TA K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513130	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	975	10.00
204	31211024899	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	KNC01 - Kế toán doanh nghiệp CLC TA K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513125	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	660	10.00
205	31211024899	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	KNC01 - Kế toán doanh nghiệp CLC TA K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513126	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	660	10.00
206	31211024899	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	KNC01 - Kế toán doanh nghiệp CLC TA K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513127	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	660	10.00
207	31211024899	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	KNC01 - Kế toán doanh nghiệp CLC TA K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513128	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	660	9.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
208	31211024899	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	KNC01 - Kế toán doanh nghiệp CLC TA K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513129	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	660	8.00
209	31211024899	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	KNC01 - Kế toán doanh nghiệp CLC TA K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513130	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	660	7.00
210	31211023005	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	785	10.00
211	31211021739	Bùi Hoàng	Dung	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	845	10.00
212	31211023005	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	785	10.00
213	31211021739	Bùi Hoàng	Dung	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	845	10.00
214	31211023005	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	785	10.00
215	31211021739	Bùi Hoàng	Dung	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	845	10.00
216	31211023005	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	785	9.00
217	31211021739	Bùi Hoàng	Dung	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	845	10.00
218	31211023555	Trần Bảo	Hân	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	655	10.00
219	31211023555	Trần Bảo	Hân	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	655	10.00
220	31211023555	Trần Bảo	Hân	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	655	9.00
221	31211023555	Trần Bảo	Hân	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	655	8.00
222	31211021854	Lê Diệu	Linh	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	960	10.00
223	31211021854	Lê Diệu	Linh	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	960	10.00
224	31211021854	Lê Diệu	Linh	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	960	10.00
225	31211020056	Nguyễn Thùy	Linh	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.0	9.00
226	31211021854	Lê Diệu	Linh	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	960	10.00
227	31211020056	Nguyễn Thùy	Linh	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.0	8.00
228	31211021311	Bùi Thảo	My	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	775	10.00
229	31211021311	Bùi Thảo	My	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	775	10.00
230	31211021311	Bùi Thảo	My	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	775	10.00
231	31211021311	Bùi Thảo	My	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	775	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
232	31211021311	Bùi Thảo	My	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	775	10.00
233	31211021311	Bùi Thảo	My	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	775	9.00
234	31211021890	Võ Thúy	Ngân	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	695	10.00
235	31211021890	Võ Thúy	Ngân	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	695	10.00
236	31211021890	Võ Thúy	Ngân	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	695	10.00
237	31211021890	Võ Thúy	Ngân	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	695	9.00
238	31211021890	Võ Thúy	Ngân	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	695	10.00
239	31211021890	Võ Thúy	Ngân	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	695	10.00
240	31211021890	Võ Thúy	Ngân	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	695	9.00
241	31211021890	Võ Thúy	Ngân	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	695	8.00
242	31211021981	Dương Anh	Thư	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.0	10.00
243	31211021981	Dương Anh	Thư	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.0	10.00
244	31211021981	Dương Anh	Thư	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.0	10.00
245	31211020584	Nguyễn Đoàn Minh	Thư	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	720	10.00
246	31211021981	Dương Anh	Thư	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.0	10.00
247	31211020584	Nguyễn Đoàn Minh	Thư	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	720	9.00
248	31211021230	Nguyễn Thị Hà	Uyên	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	950	10.00
249	31211022033	Đỗ Phan Ánh	Uyên	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	885	10.00
250	31211021230	Nguyễn Thị Hà	Uyên	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	950	10.00
251	31211022033	Đỗ Phan Ánh	Uyên	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	885	10.00
252	31211021230	Nguyễn Thị Hà	Uyên	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	950	10.00
253	31211022033	Đỗ Phan Ánh	Uyên	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	885	10.00
254	31211021230	Nguyễn Thị Hà	Uyên	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	950	10.00
255	31211022033	Đỗ Phan Ánh	Uyên	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	885	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
256	31211021693	Bùi Ngọc	Anh	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	755	10.00
257	31211021693	Bùi Ngọc	Anh	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	755	10.00
258	31211021693	Bùi Ngọc	Anh	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	755	10.00
259	31211021693	Bùi Ngọc	Anh	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	755	9.00
260	31211021788	Đặng Huy	Hoàng	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	695	10.00
261	31211021788	Đặng Huy	Hoàng	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	695	10.00
262	31211020609	Phan Hoàng Văn	Khánh	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	630	10.00
263	31211020609	Phan Hoàng Văn	Khánh	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	630	9.00
264	31211026929	Nguyễn Minh	Nguyệt	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	715	10.00
265	31211026929	Nguyễn Minh	Nguyệt	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	715	10.00
266	31211026929	Nguyễn Minh	Nguyệt	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	715	10.00
267	31211026929	Nguyễn Minh	Nguyệt	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	715	9.00
268	31211020576	Gập Tâm	Nhi	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	810	10.00
269	31211020576	Gập Tâm	Nhi	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	810	10.00
270	31211020576	Gập Tâm	Nhi	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	810	10.00
271	31211020576	Gập Tâm	Nhi	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	810	10.00
272	31211023048	Hoàng Kim	Oanh	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	625	10.00
273	31211022547	Trần Thị Như	Quỳnh	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	835	10.00
274	31211022547	Trần Thị Như	Quỳnh	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	835	10.00
275	31211022547	Trần Thị Như	Quỳnh	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	835	10.00
276	31211022547	Trần Thị Như	Quỳnh	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	835	10.00
277	31211026066	Ngô Thị Thanh	Trúc	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	845	10.00
278	31211026066	Ngô Thị Thanh	Trúc	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	845	10.00
279	31211026066	Ngô Thị Thanh	Trúc	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	845	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
280	31211026066	Ngô Thị Thanh	Trúc	KNC03 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	845	10.00
281	31211020996	Huỳnh Kim	Khánh	KNC04 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.5	10.00
282	31211020996	Huỳnh Kim	Khánh	KNC04 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.5	10.00
283	31211020996	Huỳnh Kim	Khánh	KNC04 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.5	10.00
284	31211021978	Hiền Ngọc	Thịnh	KNC04 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	735	10.00
285	31211021978	Hiền Ngọc	Thịnh	KNC04 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	735	10.00
286	31211021978	Hiền Ngọc	Thịnh	KNC04 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	735	10.00
287	31211021978	Hiền Ngọc	Thịnh	KNC04 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	735	9.00
288	31211022019	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh	KNC04 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	690	10.00
289	31211022019	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh	KNC04 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	690	10.00
290	31211022019	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh	KNC04 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	690	9.00
291	31211022019	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh	KNC04 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	690	8.00
292	31211020154	Giang Ánh	Tuyền	KNC04 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	705	10.00
293	31211020154	Giang Ánh	Tuyền	KNC04 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	705	10.00
294	31211020154	Giang Ánh	Tuyền	KNC04 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	705	10.00
295	31211020154	Giang Ánh	Tuyền	KNC04 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	705	9.00
296	31211020395	Ngô Thùy Trúc	Vy	KNC04 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	625	10.00
297	31211020395	Ngô Thùy Trúc	Vy	KNC04 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	625	9.00
298	31211020395	Ngô Thùy Trúc	Vy	KNC04 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	625	8.00
299	31211020395	Ngô Thùy Trúc	Vy	KNC04 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	625	7.00
300	31211023757	Đoàn Lê Thảo	An	KNC05 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	795	10.00
301	31211023757	Đoàn Lê Thảo	An	KNC05 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	795	10.00
302	31211023757	Đoàn Lê Thảo	An	KNC05 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	795	10.00
303	31211023757	Đoàn Lê Thảo	An	KNC05 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	795	9.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
304	31211021764	Phạm Nhật	Hạ	KNC05 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	620	9.00
305	31211021764	Phạm Nhật	Hạ	KNC05 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	620	8.00
306	31211021764	Phạm Nhật	Hạ	KNC05 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	620	7.00
307	31211021812	Đồng Thị Thu	Hương	KNC05 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	800	10.00
308	31211021812	Đồng Thị Thu	Hương	KNC05 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	800	10.00
309	31211021812	Đồng Thị Thu	Hương	KNC05 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	800	10.00
310	31211021812	Đồng Thị Thu	Hương	KNC05 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Kế toán doanh nghiệp CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	800	10.00
311	31211020484	Lâm Thy	Nhã	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	795	10.00
312	31211020484	Lâm Thy	Nhã	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	795	10.00
313	31211020484	Lâm Thy	Nhã	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	795	10.00
314	31211020484	Lâm Thy	Nhã	BI001 - Hệ thống thông tin kinh doanh 01 - K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	795	10.00
315	31211027626	Thái Bảo	An	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	625	10.00
316	31211027626	Thái Bảo	An	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	625	10.00
317	31211027626	Thái Bảo	An	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	625	9.00
318	31211027626	Thái Bảo	An	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	625	8.00
319	31211027640	Nguyễn Như	Hoàng	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	810	10.00
320	31211027640	Nguyễn Như	Hoàng	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	810	10.00
321	31211027640	Nguyễn Như	Hoàng	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	810	10.00
322	31211027640	Nguyễn Như	Hoàng	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	810	10.00
323	31211027650	Nguyễn Ngọc	Nam	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	665	10.00
324	31211027650	Nguyễn Ngọc	Nam	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	665	10.00
325	31211027650	Nguyễn Ngọc	Nam	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	665	10.00
326	31211027650	Nguyễn Ngọc	Nam	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	665	9.00
327	31211027660	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	850	10.00
328	31211027660	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	850	10.00
329	31211027660	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	850	10.00
330	31211027660	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	850	10.00
331	31211027664	Nguyễn Nhật	Quang	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	840	10.00
332	31211027664	Nguyễn Nhật	Quang	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	840	10.00
333	31211027664	Nguyễn Nhật	Quang	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	840	10.00
334	31211027664	Nguyễn Nhật	Quang	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	840	10.00
335	31211027676	Nguyễn Đình	Toàn	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	660	10.00
336	31211027676	Nguyễn Đình	Toàn	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	660	10.00
337	31211027676	Nguyễn Đình	Toàn	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	660	10.00
338	31211027676	Nguyễn Đình	Toàn	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	660	9.00
339	31211027686	Vũ Nguyễn Thảo	Vi	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	745	10.00
340	31211027686	Vũ Nguyễn Thảo	Vi	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	745	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
341	31211027686	Vũ Nguyễn Thảo	Vi	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	745	10.00
342	31211027686	Vũ Nguyễn Thảo	Vi	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	745	10.00
343	31211027687	Nguyễn Quốc	Việt	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.0	10.00
344	31211027687	Nguyễn Quốc	Việt	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.0	10.00
345	31211027687	Nguyễn Quốc	Việt	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.0	10.00
346	31211027687	Nguyễn Quốc	Việt	DS001 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.0	10.00
347	31211027642	Lưu Quang	Huy	DS002 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	680	10.00
348	31211027642	Lưu Quang	Huy	DS002 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	680	10.00
349	31211027642	Lưu Quang	Huy	DS002 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	680	10.00
350	31211027642	Lưu Quang	Huy	DS002 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	680	9.00
351	31211027661	Nguyễn Tân	Niên	DS002 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	560	10.00
352	31211027661	Nguyễn Tân	Niên	DS002 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	560	9.00
353	31211027661	Nguyễn Tân	Niên	DS002 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	560	8.00
354	31211027661	Nguyễn Tân	Niên	DS002 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	560	7.00
355	31211027675	Đào Bùi Hương	Thùy	DS002 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	705	10.00
356	31211027675	Đào Bùi Hương	Thùy	DS002 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	705	10.00
357	31211027675	Đào Bùi Hương	Thùy	DS002 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	705	10.00
358	31211027675	Đào Bùi Hương	Thùy	DS002 - Khoa học dữ liệu K47	Khoa học dữ liệu - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	705	10.00
359	31201020824	Lâm Trung	Quân	IB004 - Kinh doanh quốc tế 04 - K47	Khoa học dữ liệu - K47	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.0	10.00
360	31201020824	Lâm Trung	Quân	IB004 - Kinh doanh quốc tế 04 - K47	Khoa học dữ liệu - K47	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.0	10.00
361	31201020824	Lâm Trung	Quân	IB004 - Kinh doanh quốc tế 04 - K47	Khoa học dữ liệu - K47	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.0	10.00
362	31201020824	Lâm Trung	Quân	IB004 - Kinh doanh quốc tế 04 - K47	Khoa học dữ liệu - K47	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.0	9.00
363	31211024129	Phạm Lê Bảo	Hân	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	765	10.00
364	31211024129	Phạm Lê Bảo	Hân	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	765	10.00
365	31211024129	Phạm Lê Bảo	Hân	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	765	10.00
366	31211024129	Phạm Lê Bảo	Hân	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	765	10.00
367	31211022116	Trương Tấn	Lộc	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	800	10.00
368	31211022116	Trương Tấn	Lộc	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	800	10.00
369	31211022116	Trương Tấn	Lộc	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	800	10.00
370	31211022116	Trương Tấn	Lộc	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	800	10.00
371	31211026251	Phan Thị Thảo	Ly	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	845	10.00
372	31211026251	Phan Thị Thảo	Ly	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	845	10.00
373	31211026251	Phan Thị Thảo	Ly	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	845	10.00
374	31211026251	Phan Thị Thảo	Ly	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	845	10.00
375	31211026075	Hồ Tấn	Phước	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	850	10.00
376	31211026075	Hồ Tấn	Phước	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	850	10.00
377	31211026075	Hồ Tấn	Phước	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	850	10.00
378	31211026075	Hồ Tấn	Phước	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	850	10.00
379	31211022153	Trần Hồ Xuân	Quỳnh	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	780	10.00
380	31211022153	Trần Hồ Xuân	Quỳnh	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	780	10.00
381	31211022153	Trần Hồ Xuân	Quỳnh	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	780	10.00
382	31211022153	Trần Hồ Xuân	Quỳnh	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	780	10.00
383	31211023059	Lê Bùi Anh	Thư	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	700	10.00
384	31211023059	Lê Bùi Anh	Thư	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	700	10.00
385	31211023059	Lê Bùi Anh	Thư	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	700	10.00
386	31211023059	Lê Bùi Anh	Thư	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	700	10.00
387	31211025697	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	610	10.00
388	31211025697	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	610	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
389	31211025697	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	610	9.00
390	31211024395	Lê Cáp Đông	Uyên	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	875	10.00
391	31211024395	Lê Cáp Đông	Uyên	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	875	10.00
392	31211024395	Lê Cáp Đông	Uyên	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	875	10.00
393	31211024395	Lê Cáp Đông	Uyên	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	875	10.00
394	31211026616	Nguyễn Hà	Vy	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	730	10.00
395	31211026616	Nguyễn Hà	Vy	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	730	10.00
396	31211026616	Nguyễn Hà	Vy	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	730	10.00
397	31211026616	Nguyễn Hà	Vy	AU001 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	730	10.00
398	31211023242	Vũ Ngọc	Dung	AU002 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	800	10.00
399	31211023242	Vũ Ngọc	Dung	AU002 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	800	10.00
400	31211023242	Vũ Ngọc	Dung	AU002 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	800	10.00
401	31211023242	Vũ Ngọc	Dung	AU002 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	800	10.00
402	31211022901	Nguyễn Ngọc Bích	Hằng	AU002 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	805	10.00
403	31211022901	Nguyễn Ngọc Bích	Hằng	AU002 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	805	10.00
404	31211022901	Nguyễn Ngọc Bích	Hằng	AU002 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	805	10.00
405	31211022901	Nguyễn Ngọc Bích	Hằng	AU002 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	805	10.00
406	31211022904	Ngô Thị Mỹ	Uyển	AU002 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	730	10.00
407	31211022904	Ngô Thị Mỹ	Uyển	AU002 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	730	10.00
408	31211022904	Ngô Thị Mỹ	Uyển	AU002 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	730	10.00
409	31211022904	Ngô Thị Mỹ	Uyển	AU002 - Kiểm toán K47	Kiểm toán - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	730	10.00
410	31211026247	Đỗ Thị Tú	Anh	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	850	10.00
411	31211026248	Nguyễn Cửu Phúc	Anh	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	830	10.00
412	31211026247	Đỗ Thị Tú	Anh	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	850	10.00
413	31211026248	Nguyễn Cửu Phúc	Anh	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	830	10.00
414	31211026247	Đỗ Thị Tú	Anh	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	850	10.00
415	31211026248	Nguyễn Cửu Phúc	Anh	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	830	10.00
416	31211026247	Đỗ Thị Tú	Anh	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	850	10.00
417	31211026248	Nguyễn Cửu Phúc	Anh	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	830	10.00
418	31211024916	Đinh Nhật	Quang	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	720	10.00
419	31211024916	Đinh Nhật	Quang	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	720	10.00
420	31211024916	Đinh Nhật	Quang	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	720	10.00
421	31211024916	Đinh Nhật	Quang	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	720	9.00
422	31211022149	Dương Công	Quyết	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	795	10.00
423	31211022149	Dương Công	Quyết	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	795	10.00
424	31211022149	Dương Công	Quyết	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	795	10.00
425	31211022149	Dương Công	Quyết	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	795	9.00
426	31211022160	Đỗ Anh	Thị	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	845	10.00
427	31211022160	Đỗ Anh	Thị	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	845	10.00
428	31211022160	Đỗ Anh	Thị	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	845	10.00
429	31211022160	Đỗ Anh	Thị	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	845	10.00
430	31211025513	Nguyễn Phạm Yến	Thy	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	840	10.00
431	31211025513	Nguyễn Phạm Yến	Thy	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	840	10.00
432	31211025513	Nguyễn Phạm Yến	Thy	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	840	10.00
433	31211025513	Nguyễn Phạm Yến	Thy	AUC02 - Kiểm toán CLC TV K47	Kiểm Toán CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	840	10.00
434	31211020819	Nguyễn Ngọc Xuân	Thư	SC001 - Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh K47	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	900	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
435	31211020819	Nguyễn Ngọc Xuân	Thư	SC001 - Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh K47	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	900	10.00
436	31211020819	Nguyễn Ngọc Xuân	Thư	SC001 - Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh K47	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	900	10.00
437	31211020819	Nguyễn Ngọc Xuân	Thư	SC001 - Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh K47	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	900	10.00
438	31211021300	Vũ Đình Mỹ	Khanh	SC003 - Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh K47	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	725	10.00
439	31211021300	Vũ Đình Mỹ	Khanh	SC003 - Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh K47	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	725	10.00
440	31211021300	Vũ Đình Mỹ	Khanh	SC003 - Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh K47	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	725	10.00
441	31211021300	Vũ Đình Mỹ	Khanh	SC003 - Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh K47	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	725	10.00
442	31211020866	Nguyễn Hoàng	Anh	IB001 - Kinh doanh quốc tế 01 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	780	10.00
443	31211020866	Nguyễn Hoàng	Anh	IB001 - Kinh doanh quốc tế 01 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	780	10.00
444	31211020866	Nguyễn Hoàng	Anh	IB001 - Kinh doanh quốc tế 01 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	780	10.00
445	31211020866	Nguyễn Hoàng	Anh	IB001 - Kinh doanh quốc tế 01 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	780	10.00
446	31211024056	Trần Thị Trà	My	IB001 - Kinh doanh quốc tế 01 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	885	10.00
447	31211024056	Trần Thị Trà	My	IB001 - Kinh doanh quốc tế 01 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	885	10.00
448	31211024056	Trần Thị Trà	My	IB001 - Kinh doanh quốc tế 01 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	885	10.00
449	31211024056	Trần Thị Trà	My	IB001 - Kinh doanh quốc tế 01 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	885	10.00
450	31211026173	Lương Xuân Thảo	Ngọc	IB001 - Kinh doanh quốc tế 01 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.5	10.00
451	31211026173	Lương Xuân Thảo	Ngọc	IB001 - Kinh doanh quốc tế 01 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.5	10.00
452	31211026173	Lương Xuân Thảo	Ngọc	IB001 - Kinh doanh quốc tế 01 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.5	10.00
453	31211026173	Lương Xuân Thảo	Ngọc	IB001 - Kinh doanh quốc tế 01 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.5	10.00
454	31211026956	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	IB001 - Kinh doanh quốc tế 01 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	785	10.00
455	31211026956	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	IB001 - Kinh doanh quốc tế 01 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	785	10.00
456	31211026956	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	IB001 - Kinh doanh quốc tế 01 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	785	10.00
457	31211026956	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	IB001 - Kinh doanh quốc tế 01 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	785	10.00
458	31211025599	Nguyễn Quốc	Tài	IB001 - Kinh doanh quốc tế 01 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	740	10.00
459	31211021023	Nguyễn Minh	Triệu	IB001 - Kinh doanh quốc tế 01 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	890	10.00
460	31211021023	Nguyễn Minh	Triệu	IB001 - Kinh doanh quốc tế 01 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	890	10.00
461	31211021023	Nguyễn Minh	Triệu	IB001 - Kinh doanh quốc tế 01 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	890	10.00
462	31211021023	Nguyễn Minh	Triệu	IB001 - Kinh doanh quốc tế 01 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	890	10.00
463	31211025963	Phạm Thanh Thanh	Hiền	IB002 - Kinh doanh quốc tế 02 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	720	10.00
464	31211025963	Phạm Thanh Thanh	Hiền	IB002 - Kinh doanh quốc tế 02 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	720	10.00
465	31211025963	Phạm Thanh Thanh	Hiền	IB002 - Kinh doanh quốc tế 02 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	720	10.00
466	31211025963	Phạm Thanh Thanh	Hiền	IB002 - Kinh doanh quốc tế 02 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	720	10.00
467	31211023197	Nguyễn Thị Phương	Lam	IB002 - Kinh doanh quốc tế 02 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	795	10.00
468	31211023197	Nguyễn Thị Phương	Lam	IB002 - Kinh doanh quốc tế 02 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	795	10.00
469	31211023197	Nguyễn Thị Phương	Lam	IB002 - Kinh doanh quốc tế 02 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	795	10.00
470	31211023197	Nguyễn Thị Phương	Lam	IB002 - Kinh doanh quốc tế 02 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	795	10.00
471	31211026672	Nguyễn Dương Ngọc	Vân	IB002 - Kinh doanh quốc tế 02 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	880	10.00
472	31211026672	Nguyễn Dương Ngọc	Vân	IB002 - Kinh doanh quốc tế 02 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	880	10.00
473	31211026672	Nguyễn Dương Ngọc	Vân	IB002 - Kinh doanh quốc tế 02 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	880	10.00
474	31211026672	Nguyễn Dương Ngọc	Vân	IB002 - Kinh doanh quốc tế 02 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	880	10.00
475	31211020883	Trần Thu Bảo	Châu	IB003 - Kinh doanh quốc tế 03 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	755	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
476	31211020883	Trần Thu Bảo	Châu	IB003 - Kinh doanh quốc tế 03 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	755	10.00
477	31211020883	Trần Thu Bảo	Châu	IB003 - Kinh doanh quốc tế 03 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	755	10.00
478	31211020883	Trần Thu Bảo	Châu	IB003 - Kinh doanh quốc tế 03 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	755	10.00
479	31211023739	Phan Thị Thảo	Ly	IB003 - Kinh doanh quốc tế 03 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	740	10.00
480	31211023739	Phan Thị Thảo	Ly	IB003 - Kinh doanh quốc tế 03 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	740	10.00
481	31211023739	Phan Thị Thảo	Ly	IB003 - Kinh doanh quốc tế 03 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	740	10.00
482	31211023739	Phan Thị Thảo	Ly	IB003 - Kinh doanh quốc tế 03 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	740	10.00
483	31211025051	Đỗ Thị	Quyên	IB003 - Kinh doanh quốc tế 03 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	695	10.00
484	31211025051	Đỗ Thị	Quyên	IB003 - Kinh doanh quốc tế 03 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	695	10.00
485	31211025051	Đỗ Thị	Quyên	IB003 - Kinh doanh quốc tế 03 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	695	10.00
486	31211025051	Đỗ Thị	Quyên	IB003 - Kinh doanh quốc tế 03 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	695	9.00
487	31211022802	Phan Nguyễn Phương	Linh	IB004 - Kinh doanh quốc tế 04 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	770	10.00
488	31211022802	Phan Nguyễn Phương	Linh	IB004 - Kinh doanh quốc tế 04 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	770	10.00
489	31211022802	Phan Nguyễn Phương	Linh	IB004 - Kinh doanh quốc tế 04 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	770	10.00
490	31211022802	Phan Nguyễn Phương	Linh	IB004 - Kinh doanh quốc tế 04 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	770	10.00
491	31201020824	Lâm Trung	Quân	IB004 - Kinh doanh quốc tế 04 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.0	10.00
492	31201020824	Lâm Trung	Quân	IB004 - Kinh doanh quốc tế 04 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.0	10.00
493	31201020824	Lâm Trung	Quân	IB004 - Kinh doanh quốc tế 04 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.0	10.00
494	31201020824	Lâm Trung	Quân	IB004 - Kinh doanh quốc tế 04 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.0	9.00
495	31211025600	Đinh Thị Phương	Thảo	IB004 - Kinh doanh quốc tế 04 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	850	10.00
496	31211025600	Đinh Thị Phương	Thảo	IB004 - Kinh doanh quốc tế 04 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	850	10.00
497	31211025600	Đinh Thị Phương	Thảo	IB004 - Kinh doanh quốc tế 04 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	850	10.00
498	31211025600	Đinh Thị Phương	Thảo	IB004 - Kinh doanh quốc tế 04 - K47	Kinh doanh quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	850	10.00
499	31211025797	Nguyễn Trương Ngọc	Anh	IBC03 - Kinh doanh quốc tế CLC TA K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	765	10.00
500	31211025797	Nguyễn Trương Ngọc	Anh	IBC03 - Kinh doanh quốc tế CLC TA K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	765	10.00
501	31211025797	Nguyễn Trương Ngọc	Anh	IBC03 - Kinh doanh quốc tế CLC TA K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	765	10.00
502	31211025797	Nguyễn Trương Ngọc	Anh	IBC03 - Kinh doanh quốc tế CLC TA K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	765	10.00
503	31211025797	Nguyễn Trương Ngọc	Anh	IBC03 - Kinh doanh quốc tế CLC TA K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513095	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 5	765	9.00
504	31211025797	Nguyễn Trương Ngọc	Anh	IBC03 - Kinh doanh quốc tế CLC TA K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513096	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 6	765	8.00
505	31211022801	Nguyễn Thị Thùy	Linh	IBC03 - Kinh doanh quốc tế CLC TA K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	910	10.00
506	31211022801	Nguyễn Thị Thùy	Linh	IBC03 - Kinh doanh quốc tế CLC TA K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	910	10.00
507	31211022801	Nguyễn Thị Thùy	Linh	IBC03 - Kinh doanh quốc tế CLC TA K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	910	10.00
508	31211022801	Nguyễn Thị Thùy	Linh	IBC03 - Kinh doanh quốc tế CLC TA K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	910	10.00
509	31211022801	Nguyễn Thị Thùy	Linh	IBC03 - Kinh doanh quốc tế CLC TA K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513095	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 5	910	10.00
510	31211022801	Nguyễn Thị Thùy	Linh	IBC03 - Kinh doanh quốc tế CLC TA K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513096	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 6	910	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
511	31211020536	Trần Thế	Lực	IBC03 - Kinh doanh quốc tế CLC TA K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	895	10.00
512	31211020536	Trần Thế	Lực	IBC03 - Kinh doanh quốc tế CLC TA K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	895	10.00
513	31211020536	Trần Thế	Lực	IBC03 - Kinh doanh quốc tế CLC TA K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	895	10.00
514	31211020536	Trần Thế	Lực	IBC03 - Kinh doanh quốc tế CLC TA K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	895	10.00
515	31211020536	Trần Thế	Lực	IBC03 - Kinh doanh quốc tế CLC TA K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513095	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 5	895	10.00
516	31211020536	Trần Thế	Lực	IBC03 - Kinh doanh quốc tế CLC TA K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513096	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 6	895	9.00
517	31211020875	Bùi Quốc	Bảo	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	550	9.00
518	31211024325	Nguyễn Văn	Dũng	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	830	10.00
519	31211024325	Nguyễn Văn	Dũng	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	830	10.00
520	31211024325	Nguyễn Văn	Dũng	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	830	10.00
521	31211024325	Nguyễn Văn	Dũng	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	830	10.00
522	31211027110	Võ Khánh	Hà	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.5	10.00
523	31211027110	Võ Khánh	Hà	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.5	10.00
524	31211027110	Võ Khánh	Hà	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.5	10.00
525	31211027110	Võ Khánh	Hà	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.5	9.00
526	31211020944	Phan Như Hoàng	Linh	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	770	10.00
527	31211020944	Phan Như Hoàng	Linh	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	770	10.00
528	31211020944	Phan Như Hoàng	Linh	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	770	10.00
529	31211020944	Phan Như Hoàng	Linh	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	770	9.00
530	31211023106	Mai Thanh Hoàng	Long	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	720	10.00
531	31211023106	Mai Thanh Hoàng	Long	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	720	10.00
532	31211023106	Mai Thanh Hoàng	Long	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	720	10.00
533	31211023106	Mai Thanh Hoàng	Long	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	720	9.00
534	31211023506	Võ Huỳnh	Nhi	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	940	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
535	31211023506	Võ Huỳnh	Nhi	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	940	10.00
536	31211023506	Võ Huỳnh	Nhi	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	940	10.00
537	31211023506	Võ Huỳnh	Nhi	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	940	10.00
538	31211020992	Đào Thị Thanh	Tâm	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	830	10.00
539	31211020992	Đào Thị Thanh	Tâm	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	830	10.00
540	31211020992	Đào Thị Thanh	Tâm	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	830	10.00
541	31211020992	Đào Thị Thanh	Tâm	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	830	10.00
542	31211023742	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	875	10.00
543	31211023742	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	875	10.00
544	31211023742	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	875	10.00
545	31211023742	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	875	10.00
546	31211022476	Lê Cao	Thịnh	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	735	10.00
547	31211022476	Lê Cao	Thịnh	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	735	10.00
548	31211022476	Lê Cao	Thịnh	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	735	10.00
549	31211022476	Lê Cao	Thịnh	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	735	9.00
550	31211021028	Nguyễn Phạm Nhã	Tuệ	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	975	10.00
551	31211021028	Nguyễn Phạm Nhã	Tuệ	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	975	10.00
552	31211021028	Nguyễn Phạm Nhã	Tuệ	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	975	10.00
553	31211021028	Nguyễn Phạm Nhã	Tuệ	IBC04 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	975	10.00
554	31211023112	Phạm Đỗ	Đạt	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	765	10.00
555	31211023112	Phạm Đỗ	Đạt	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	765	10.00
556	31211023112	Phạm Đỗ	Đạt	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	765	10.00
557	31211023112	Phạm Đỗ	Đạt	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	765	9.00
558	31211025583	Lưu Hữu	Hoàng	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	660	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
559	31211025583	Lưu Hữu	Hoàng	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	660	10.00
560	31211025583	Lưu Hữu	Hoàng	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	660	9.00
561	31211023308	Võ Lê Kiều	My	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	860	10.00
562	31211023308	Võ Lê Kiều	My	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	860	10.00
563	31211023308	Võ Lê Kiều	My	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	860	10.00
564	31211023308	Võ Lê Kiều	My	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	860	10.00
565	31211023504	Nguyễn Phương	Nghi	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	835	10.00
566	31211023504	Nguyễn Phương	Nghi	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	835	10.00
567	31211023504	Nguyễn Phương	Nghi	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	835	10.00
568	31211023504	Nguyễn Phương	Nghi	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	835	10.00
569	31211020596	Phan Lê Uyên	Nhi	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	775	10.00
570	31211020596	Phan Lê Uyên	Nhi	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	775	10.00
571	31211020596	Phan Lê Uyên	Nhi	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	775	10.00
572	31211020596	Phan Lê Uyên	Nhi	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	775	9.00
573	31211024195	Vương Ngọc Như	Quỳnh	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	605	10.00
574	31211024195	Vương Ngọc Như	Quỳnh	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	605	9.00
575	31211025052	Nguyễn Trần Minh	Thắng	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	885	10.00
576	31211025052	Nguyễn Trần Minh	Thắng	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	885	10.00
577	31211025052	Nguyễn Trần Minh	Thắng	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	885	10.00
578	31211025052	Nguyễn Trần Minh	Thắng	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	885	10.00
579	31211023884	Phạm Thị Xuân	Thảo	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	835	10.00
580	31211023884	Phạm Thị Xuân	Thảo	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	835	10.00
581	31211023884	Phạm Thị Xuân	Thảo	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	835	10.00
582	31211023884	Phạm Thị Xuân	Thảo	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	835	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
583	31211025223	Phạm Tấn	Toàn	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	670	10.00
584	31211025223	Phạm Tấn	Toàn	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	670	10.00
585	31211025223	Phạm Tấn	Toàn	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	670	9.00
586	31211025463	Trần Tú	Uyên	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	905	10.00
587	31211025463	Trần Tú	Uyên	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	905	10.00
588	31211025463	Trần Tú	Uyên	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	905	10.00
589	31211025463	Trần Tú	Uyên	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	905	10.00
590	31211022691	Lâm Khánh	Vy	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	835	10.00
591	31211022692	Nguyễn Khánh	Vy	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	775	10.00
592	31211022691	Lâm Khánh	Vy	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	835	10.00
593	31211022692	Nguyễn Khánh	Vy	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	775	10.00
594	31211022691	Lâm Khánh	Vy	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	835	10.00
595	31211022692	Nguyễn Khánh	Vy	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	775	10.00
596	31211022691	Lâm Khánh	Vy	IBC05 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	835	10.00
597	31211020893	Trần Mai	Duyên	IBC06 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	775	10.00
598	31211020893	Trần Mai	Duyên	IBC06 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	775	10.00
599	31211020893	Trần Mai	Duyên	IBC06 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	775	10.00
600	31211020893	Trần Mai	Duyên	IBC06 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	775	9.00
601	31211025962	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	IBC06 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	880	10.00
602	31211026657	Võ Nguyễn Bảo	Hân	IBC06 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	790	10.00
603	31211025962	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	IBC06 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	880	10.00
604	31211026657	Võ Nguyễn Bảo	Hân	IBC06 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	790	10.00
605	31211025962	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	IBC06 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	880	10.00
606	31211026657	Võ Nguyễn Bảo	Hân	IBC06 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	790	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
607	31211025962	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	IBC06 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	880	10.00
608	31211025584	Tô Việt	Hoàng	IBC06 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.5	10.00
609	31211025584	Tô Việt	Hoàng	IBC06 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.5	10.00
610	31211025584	Tô Việt	Hoàng	IBC06 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.5	10.00
611	31211025584	Tô Việt	Hoàng	IBC06 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.5	9.00
612	31211023702	Nguyễn Lê Đăng	Nguyên	IBC06 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.0	10.00
613	31211023702	Nguyễn Lê Đăng	Nguyên	IBC06 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.0	10.00
614	31211023702	Nguyễn Lê Đăng	Nguyên	IBC06 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.0	10.00
615	31211023702	Nguyễn Lê Đăng	Nguyên	IBC06 - Kinh doanh quốc tế CLC TV K47	Kinh doanh quốc tế CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.0	10.00
616	31211026423	Mai Ngọc	Châu	KM001 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	880	10.00
617	31211026423	Mai Ngọc	Châu	KM001 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	880	10.00
618	31211026423	Mai Ngọc	Châu	KM001 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	880	10.00
619	31211026423	Mai Ngọc	Châu	KM001 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	880	10.00
620	31211024344	Nguyễn Bảo	Hân	KM001 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	755	10.00
621	31211024344	Nguyễn Bảo	Hân	KM001 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	755	10.00
622	31211024344	Nguyễn Bảo	Hân	KM001 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	755	10.00
623	31211024344	Nguyễn Bảo	Hân	KM001 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	755	10.00
624	31211026912	Phan Nguyễn Minh	Lâm	KM001 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	800	10.00
625	31211026912	Phan Nguyễn Minh	Lâm	KM001 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	800	10.00
626	31211026912	Phan Nguyễn Minh	Lâm	KM001 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	800	10.00
627	31211026912	Phan Nguyễn Minh	Lâm	KM001 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	800	10.00
628	31211023364	Nguyễn Thị	Phượng	KM001 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	810	10.00
629	31211023364	Nguyễn Thị	Phượng	KM001 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	810	10.00
630	31211023364	Nguyễn Thị	Phượng	KM001 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	810	10.00
631	31211023364	Nguyễn Thị	Phượng	KM001 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	810	10.00
632	31211021049	Trần Thị Phương	Anh	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	870	10.00
633	31211021049	Trần Thị Phương	Anh	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	870	10.00
634	31211021049	Trần Thị Phương	Anh	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	870	10.00
635	31211021049	Trần Thị Phương	Anh	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	870	10.00
636	31211023113	Trần Thị	Giang	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	770	10.00
637	31211023113	Trần Thị	Giang	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	770	10.00
638	31211023113	Trần Thị	Giang	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	770	10.00
639	31211023113	Trần Thị	Giang	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	770	10.00
640	31211023114	Nguyễn Thị Hải	Hà	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	585	10.00
641	31211023114	Nguyễn Thị Hải	Hà	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	585	9.00
642	31211023114	Nguyễn Thị Hải	Hà	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	585	8.00
643	31211023114	Nguyễn Thị Hải	Hà	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	585	7.00
644	31211021060	Hồ Thị Thu	Hảo	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	885	10.00
645	31211021060	Hồ Thị Thu	Hảo	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	885	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
646	31211021060	Hồ Thị Thu	Hảo	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	885	10.00
647	31211021060	Hồ Thị Thu	Hảo	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	885	10.00
648	31211023514	Nguyễn Văn	Hiếu	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	675	10.00
649	31211023514	Nguyễn Văn	Hiếu	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	675	10.00
650	31211023514	Nguyễn Văn	Hiếu	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	675	10.00
651	31211023514	Nguyễn Văn	Hiếu	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	675	9.00
652	31211026552	Phạm Thị Thanh	Hoài	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	695	10.00
653	31211026552	Phạm Thị Thanh	Hoài	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	695	10.00
654	31211026552	Phạm Thị Thanh	Hoài	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	695	10.00
655	31211026552	Phạm Thị Thanh	Hoài	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	695	9.00
656	31211021074	Phạm Thị Mỹ	Linh	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	680	10.00
657	31211021074	Phạm Thị Mỹ	Linh	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	680	10.00
658	31211021074	Phạm Thị Mỹ	Linh	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	680	10.00
659	31211021074	Phạm Thị Mỹ	Linh	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	680	9.00
660	31211026916	Phạm Đông	Nghi	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	725	10.00
661	31211026916	Phạm Đông	Nghi	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	725	10.00
662	31211026916	Phạm Đông	Nghi	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	725	10.00
663	31211026916	Phạm Đông	Nghi	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	725	10.00
664	31211021090	Lưu Thị Ánh	Nguyệt	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	735	10.00
665	31211021090	Lưu Thị Ánh	Nguyệt	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	735	10.00
666	31211021090	Lưu Thị Ánh	Nguyệt	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	735	10.00
667	31211021090	Lưu Thị Ánh	Nguyệt	KM002 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	735	10.00
668	31211026183	Phạm Thị Trúc	Linh	KM003 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	575	10.00
669	31211026183	Phạm Thị Trúc	Linh	KM003 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	575	9.00
670	31211026183	Phạm Thị Trúc	Linh	KM003 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	575	8.00
671	31211026183	Phạm Thị Trúc	Linh	KM003 - Kinh doanh thương mại K47	Kinh doanh thương mại - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	575	7.00
672	31211024067	Nguyễn Gia	Bình	KMC01 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	735	9.00
673	31211021055	Nguyễn Bích	Đào	KMC01 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	680	9.00
674	31211021055	Nguyễn Bích	Đào	KMC01 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	680	8.00
675	31211026543	Nguyễn Ngọc Hồng	Diễm	KMC01 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	855	10.00
676	31211026543	Nguyễn Ngọc Hồng	Diễm	KMC01 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	855	10.00
677	31211026543	Nguyễn Ngọc Hồng	Diễm	KMC01 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	855	10.00
678	31211026543	Nguyễn Ngọc Hồng	Diễm	KMC01 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	855	10.00
679	31211021061	Võ Huỳnh Thanh	Hằng	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	700	10.00
680	31211020719	Nguyễn Ngọc Như	Huyền	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	775	10.00
681	31211020719	Nguyễn Ngọc Như	Huyền	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	775	10.00
682	31211020719	Nguyễn Ngọc Như	Huyền	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	775	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
683	31211020719	Nguyễn Ngọc Như	Huyền	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	775	9.00
684	31211026915	Trần Gia	Linh	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	810	10.00
685	31211026915	Trần Gia	Linh	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	810	10.00
686	31211026915	Trần Gia	Linh	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	810	10.00
687	31211026915	Trần Gia	Linh	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	810	10.00
688	31211023892	Điền Thanh	Ngân	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	720	10.00
689	31211023892	Điền Thanh	Ngân	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	720	10.00
690	31211023892	Điền Thanh	Ngân	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	720	10.00
691	31211023892	Điền Thanh	Ngân	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	720	9.00
692	31211027239	Võ Ngọc Như	Quỳnh	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	630	10.00
693	31211027239	Võ Ngọc Như	Quỳnh	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	630	9.00
694	31211021571	Trần Thanh	Trâm	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	880	10.00
695	31211021571	Trần Thanh	Trâm	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	880	10.00
696	31211021571	Trần Thanh	Trâm	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	880	10.00
697	31211021571	Trần Thanh	Trâm	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	880	10.00
698	31211021108	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	825	10.00
699	31211021108	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	825	10.00
700	31211021108	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	825	10.00
701	31211021108	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	825	10.00
702	31211026854	Nguyễn Bảo	Trung	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	650	10.00
703	31211026854	Nguyễn Bảo	Trung	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	650	10.00
704	31211026854	Nguyễn Bảo	Trung	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	650	9.00
705	31211026854	Nguyễn Bảo	Trung	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	650	8.00
706	31211025998	Hồ Công	Truyền	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	730	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
707	31211025998	Hồ Công	Truyền	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	730	10.00
708	31211025998	Hồ Công	Truyền	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	730	10.00
709	31211023205	Trần Cẩm	Tú	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	755	10.00
710	31211023205	Trần Cẩm	Tú	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	755	10.00
711	31211023205	Trần Cẩm	Tú	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	755	10.00
712	31211023205	Trần Cẩm	Tú	KMC02 - Kinh doanh thương mại CLC TV K47	Kinh doanh thương mại CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	755	9.00
713	31211023977	Nguyễn Khánh	Huyền	IV001 - Kinh tế đầu tư 01 - K47	Kinh tế đầu tư - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	720	10.00
714	31211023977	Nguyễn Khánh	Huyền	IV001 - Kinh tế đầu tư 01 - K47	Kinh tế đầu tư - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	720	10.00
715	31211023977	Nguyễn Khánh	Huyền	IV001 - Kinh tế đầu tư 01 - K47	Kinh tế đầu tư - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	720	10.00
716	31211023977	Nguyễn Khánh	Huyền	IV001 - Kinh tế đầu tư 01 - K47	Kinh tế đầu tư - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	720	10.00
717	31211026888	Trương Hoàng	Anh	IV002 - Kinh tế đầu tư 02 - K47	Kinh tế đầu tư - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	845	10.00
718	31211026888	Trương Hoàng	Anh	IV002 - Kinh tế đầu tư 02 - K47	Kinh tế đầu tư - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	845	10.00
719	31211026888	Trương Hoàng	Anh	IV002 - Kinh tế đầu tư 02 - K47	Kinh tế đầu tư - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	845	10.00
720	31211026888	Trương Hoàng	Anh	IV002 - Kinh tế đầu tư 02 - K47	Kinh tế đầu tư - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	845	10.00
721	31211023503	Lê Thị Quý	Trâm	IV002 - Kinh tế đầu tư 02 - K47	Kinh tế đầu tư - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	720	10.00
722	31211023503	Lê Thị Quý	Trâm	IV002 - Kinh tế đầu tư 02 - K47	Kinh tế đầu tư - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	720	10.00
723	31211023503	Lê Thị Quý	Trâm	IV002 - Kinh tế đầu tư 02 - K47	Kinh tế đầu tư - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	720	10.00
724	31211023503	Lê Thị Quý	Trâm	IV002 - Kinh tế đầu tư 02 - K47	Kinh tế đầu tư - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	720	10.00
725	31211026086	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	IVC01 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	850	10.00
726	31211026086	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	IVC01 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	850	10.00
727	31211026086	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	IVC01 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	850	10.00
728	31211026086	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	IVC01 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	850	10.00
729	31211020247	Nguyễn Thị Hiền	Hòa	IVC01 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	660	10.00
730	31211020247	Nguyễn Thị Hiền	Hòa	IVC01 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	660	10.00
731	31211020247	Nguyễn Thị Hiền	Hòa	IVC01 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	660	9.00
732	31211020247	Nguyễn Thị Hiền	Hòa	IVC01 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	660	8.00
733	31211025014	Dương Hoàng	Anh	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	870	10.00
734	31211025014	Dương Hoàng	Anh	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	870	10.00
735	31211025014	Dương Hoàng	Anh	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	870	10.00
736	31211025014	Dương Hoàng	Anh	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	870	10.00
737	31211025369	Hứa Lê Đăng	Khoa	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	790	10.00
738	31211025369	Hứa Lê Đăng	Khoa	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	790	10.00
739	31211025369	Hứa Lê Đăng	Khoa	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	790	10.00
740	31211025369	Hứa Lê Đăng	Khoa	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	790	9.00
741	31211025660	Trần Lê Yến	Linh	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	750	10.00
742	31211025660	Trần Lê Yến	Linh	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	750	10.00
743	31211025660	Trần Lê Yến	Linh	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	750	10.00
744	31211025660	Trần Lê Yến	Linh	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	750	9.00
745	31211020271	Nguyễn Thiên	Long	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	620	10.00
746	31211020271	Nguyễn Thiên	Long	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	620	9.00
747	31211020271	Nguyễn Thiên	Long	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	620	8.00
748	31211020271	Nguyễn Thiên	Long	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	620	7.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
749	31211023893	Dương Võ Quỳnh	Nhi	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	745	10.00
750	31211023893	Dương Võ Quỳnh	Nhi	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	745	10.00
751	31211023893	Dương Võ Quỳnh	Nhi	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	745	10.00
752	31211023893	Dương Võ Quỳnh	Nhi	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	745	9.00
753	31211024061	Trần Hồ Đan	Phương	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	735	10.00
754	31211024061	Trần Hồ Đan	Phương	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	735	10.00
755	31211024061	Trần Hồ Đan	Phương	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	735	10.00
756	31211024061	Trần Hồ Đan	Phương	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	735	9.00
757	31211024758	Võ Minh	Quân	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	625	10.00
758	31211024758	Võ Minh	Quân	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	625	9.00
759	31211024758	Võ Minh	Quân	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	625	8.00
760	31211020614	Nguyễn Văn	Thoại	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.0	10.00
761	31211020614	Nguyễn Văn	Thoại	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.0	10.00
762	31211020614	Nguyễn Văn	Thoại	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.0	9.00
763	31211020614	Nguyễn Văn	Thoại	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.0	8.00
764	31211022729	Nguyễn Khải	Vinh	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	720	10.00
765	31211022729	Nguyễn Khải	Vinh	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	720	10.00
766	31211022729	Nguyễn Khải	Vinh	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	720	10.00
767	31211022729	Nguyễn Khải	Vinh	IVC02 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	720	9.00
768	31211024750	Hồ Như	Hảo	IVC03 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	650	10.00
769	31211024750	Hồ Như	Hảo	IVC03 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	650	10.00
770	31211026391	Trần Thanh	Trúc	IVC03 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	700	10.00
771	31211026391	Trần Thanh	Trúc	IVC03 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	700	10.00
772	31211026391	Trần Thanh	Trúc	IVC03 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	700	10.00
773	31211026391	Trần Thanh	Trúc	IVC03 - Kinh tế đầu tư CLC TV K47	Kinh tế Đầu tư CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	700	9.00
774	31211027614	Đặng Trí	Thành	SE001 - Kỹ thuật phần mềm K47	Kỹ thuật phần mềm - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	800	10.00
775	31211027614	Đặng Trí	Thành	SE001 - Kỹ thuật phần mềm K47	Kỹ thuật phần mềm - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	800	10.00
776	31211027614	Đặng Trí	Thành	SE001 - Kỹ thuật phần mềm K47	Kỹ thuật phần mềm - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	800	10.00
777	31211027614	Đặng Trí	Thành	SE001 - Kỹ thuật phần mềm K47	Kỹ thuật phần mềm - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	800	10.00
778	31211027582	Trương Nhựt	Huy	SE002 - Kỹ thuật phần mềm K47	Kỹ thuật phần mềm - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	555	10.00
779	31211027582	Trương Nhựt	Huy	SE002 - Kỹ thuật phần mềm K47	Kỹ thuật phần mềm - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	555	9.00
780	31211027582	Trương Nhựt	Huy	SE002 - Kỹ thuật phần mềm K47	Kỹ thuật phần mềm - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	555	8.00
781	31211027582	Trương Nhựt	Huy	SE002 - Kỹ thuật phần mềm K47	Kỹ thuật phần mềm - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	555	7.00
782	31211027693	Đoàn Nhật	Ánh	LM001 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	865	10.00
783	31211027693	Đoàn Nhật	Ánh	LM001 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	865	10.00
784	31211027693	Đoàn Nhật	Ánh	LM001 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	865	10.00
785	31211027693	Đoàn Nhật	Ánh	LM001 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	865	10.00
786	31211027735	Liêu Ngọc	Hy	LM001 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	680	10.00
787	31211027735	Liêu Ngọc	Hy	LM001 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	680	10.00
788	31211027735	Liêu Ngọc	Hy	LM001 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	680	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
789	31211027735	Liêu Ngọc	Hy	LM001 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	680	9.00
790	31211027746	Hồ Đức	Mạnh	LM001 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	830	10.00
791	31211027746	Hồ Đức	Mạnh	LM001 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	830	10.00
792	31211027746	Hồ Đức	Mạnh	LM001 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	830	10.00
793	31211027746	Hồ Đức	Mạnh	LM001 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	830	10.00
794	31211027751	Nguyễn Thị Trà	My	LM001 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	815	10.00
795	31211027751	Nguyễn Thị Trà	My	LM001 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	815	10.00
796	31211027751	Nguyễn Thị Trà	My	LM001 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	815	10.00
797	31211027751	Nguyễn Thị Trà	My	LM001 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	815	10.00
798	31211027803	Nguyễn Thị Tường	Vy	LM001 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	835	10.00
799	31211027803	Nguyễn Thị Tường	Vy	LM001 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	835	10.00
800	31211027803	Nguyễn Thị Tường	Vy	LM001 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	835	10.00
801	31211027803	Nguyễn Thị Tường	Vy	LM001 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	835	10.00
802	31211027698	Hoàng Thị Hải	Châu	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	660	10.00
803	31211027698	Hoàng Thị Hải	Châu	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	660	10.00
804	31211027698	Hoàng Thị Hải	Châu	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	660	10.00
805	31211027698	Hoàng Thị Hải	Châu	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	660	9.00
806	31211027722	Nguyễn Văn Thanh	Hiền	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	850	10.00
807	31211027722	Nguyễn Văn Thanh	Hiền	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	850	10.00
808	31211027722	Nguyễn Văn Thanh	Hiền	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	850	10.00
809	31211027722	Nguyễn Văn Thanh	Hiền	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	850	10.00
810	31211027743	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	825	10.00
811	31211027743	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	825	10.00
812	31211027743	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	825	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
813	31211027743	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	825	10.00
814	31211027754	Hoàng Thị Hằng	Nga	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	645	10.00
815	31211027754	Hoàng Thị Hằng	Nga	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	645	10.00
816	31211027754	Hoàng Thị Hằng	Nga	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	645	9.00
817	31211027754	Hoàng Thị Hằng	Nga	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	645	8.00
818	31211027755	Đỗ Thanh	Ngân	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	835	10.00
819	31211027755	Đỗ Thanh	Ngân	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	835	10.00
820	31211027755	Đỗ Thanh	Ngân	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	835	10.00
821	31211027755	Đỗ Thanh	Ngân	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	835	10.00
822	31211027777	Đỗ Thị Thanh	Tâm	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	835	10.00
823	31211027777	Đỗ Thị Thanh	Tâm	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	835	10.00
824	31211027777	Đỗ Thị Thanh	Tâm	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	835	10.00
825	31211027777	Đỗ Thị Thanh	Tâm	LM002 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	835	10.00
826	31211027700	Phan Phạm Hiền	Dịu	LM003 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	670	10.00
827	31211027700	Phan Phạm Hiền	Dịu	LM003 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	670	10.00
828	31211027700	Phan Phạm Hiền	Dịu	LM003 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	670	10.00
829	31211027700	Phan Phạm Hiền	Dịu	LM003 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	670	9.00
830	31211026012	Mai Văn	Thiện	LM003 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	770	10.00
831	31211026012	Mai Văn	Thiện	LM003 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	770	10.00
832	31211026012	Mai Văn	Thiện	LM003 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	770	10.00
833	31211026012	Mai Văn	Thiện	LM003 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	770	10.00
834	31211027789	Nguyễn Xuân	Toàn	LM003 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	845	10.00
835	31211027789	Nguyễn Xuân	Toàn	LM003 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	845	10.00
836	31211027789	Nguyễn Xuân	Toàn	LM003 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	845	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
837	31211027789	Nguyễn Xuân	Toàn	LM003 - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K47	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	845	10.00
838	31211027441	Nguyễn Huỳnh Trường	Giang	LK001 - Luật Kinh doanh K47	Luật Kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	700	10.00
839	31211027441	Nguyễn Huỳnh Trường	Giang	LK001 - Luật Kinh doanh K47	Luật Kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	700	10.00
840	31211027441	Nguyễn Huỳnh Trường	Giang	LK001 - Luật Kinh doanh K47	Luật Kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	700	10.00
841	31211027441	Nguyễn Huỳnh Trường	Giang	LK001 - Luật Kinh doanh K47	Luật Kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	700	10.00
842	31211027471	Lưu Tiểu	Linh	LK002 - Luật Kinh doanh K47	Luật Kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	760	10.00
843	31211027471	Lưu Tiểu	Linh	LK002 - Luật Kinh doanh K47	Luật Kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	760	10.00
844	31211027471	Lưu Tiểu	Linh	LK002 - Luật Kinh doanh K47	Luật Kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	760	10.00
845	31211027471	Lưu Tiểu	Linh	LK002 - Luật Kinh doanh K47	Luật Kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	760	10.00
846	31211025606	Đoàn Minh	Quân	LK002 - Luật Kinh doanh K47	Luật Kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	695	10.00
847	31211025606	Đoàn Minh	Quân	LK002 - Luật Kinh doanh K47	Luật Kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	695	10.00
848	31211025606	Đoàn Minh	Quân	LK002 - Luật Kinh doanh K47	Luật Kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	695	10.00
849	31211025606	Đoàn Minh	Quân	LK002 - Luật Kinh doanh K47	Luật Kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	695	9.00
850	31211023341	Nguyễn Thị Diệu	Thương	LK003 - Luật Kinh doanh K47	Luật Kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	640	10.00
851	31211023341	Nguyễn Thị Diệu	Thương	LK003 - Luật Kinh doanh K47	Luật Kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	640	10.00
852	31211023341	Nguyễn Thị Diệu	Thương	LK003 - Luật Kinh doanh K47	Luật Kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	640	9.00
853	31211023341	Nguyễn Thị Diệu	Thương	LK003 - Luật Kinh doanh K47	Luật Kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	640	8.00
854	31211027567	Phạm Thùy Như	Ý	LK003 - Luật Kinh doanh K47	Luật Kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	650	10.00
855	31211027567	Phạm Thùy Như	Ý	LK003 - Luật Kinh doanh K47	Luật Kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	650	10.00
856	31211027567	Phạm Thùy Như	Ý	LK003 - Luật Kinh doanh K47	Luật Kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	650	10.00
857	31211027567	Phạm Thùy Như	Ý	LK003 - Luật Kinh doanh K47	Luật Kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	650	9.00
858	31211020390	Nguyễn Quỳnh	Châu	LQ001 - Luật kinh doanh quốc tế K47	Luật kinh doanh quốc tế - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	940	10.00
859	31211020390	Nguyễn Quỳnh	Châu	LQ001 - Luật kinh doanh quốc tế K47	Luật kinh doanh quốc tế - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	940	10.00
860	31211020390	Nguyễn Quỳnh	Châu	LQ001 - Luật kinh doanh quốc tế K47	Luật kinh doanh quốc tế - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	940	10.00
861	31211020390	Nguyễn Quỳnh	Châu	LQ001 - Luật kinh doanh quốc tế K47	Luật kinh doanh quốc tế - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	940	10.00
862	31211027371	Võ Lê Tuyết	Đoan	LQ001 - Luật kinh doanh quốc tế K47	Luật kinh doanh quốc tế - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	630	10.00
863	31211027371	Võ Lê Tuyết	Đoan	LQ001 - Luật kinh doanh quốc tế K47	Luật kinh doanh quốc tế - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	630	10.00
864	31211027375	Bùi Thuý	Hiền	LQ001 - Luật kinh doanh quốc tế K47	Luật kinh doanh quốc tế - K47	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.0	10.00
865	31211027375	Bùi Thuý	Hiền	LQ001 - Luật kinh doanh quốc tế K47	Luật kinh doanh quốc tế - K47	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.0	10.00
866	31211027375	Bùi Thuý	Hiền	LQ001 - Luật kinh doanh quốc tế K47	Luật kinh doanh quốc tế - K47	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.0	10.00
867	31211027375	Bùi Thuý	Hiền	LQ001 - Luật kinh doanh quốc tế K47	Luật kinh doanh quốc tế - K47	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.0	9.00
868	31211027380	Vũ Thị Thanh	Hương	LQ001 - Luật kinh doanh quốc tế K47	Luật kinh doanh quốc tế - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	560	10.00
869	31211027380	Vũ Thị Thanh	Hương	LQ001 - Luật kinh doanh quốc tế K47	Luật kinh doanh quốc tế - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	560	9.00
870	31211027380	Vũ Thị Thanh	Hương	LQ001 - Luật kinh doanh quốc tế K47	Luật kinh doanh quốc tế - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	560	8.00
871	31211027380	Vũ Thị Thanh	Hương	LQ001 - Luật kinh doanh quốc tế K47	Luật kinh doanh quốc tế - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	560	7.00
872	31211020159	Nguyễn Minh	Thư	AV002 - Tiếng Anh thương mại K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	760	10.00
873	31211020159	Nguyễn Minh	Thư	AV002 - Tiếng Anh thương mại K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	760	10.00
874	31211020159	Nguyễn Minh	Thư	AV002 - Tiếng Anh thương mại K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	760	10.00
875	31211020159	Nguyễn Minh	Thư	AV002 - Tiếng Anh thương mại K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	760	10.00
876	31211021605	Trần Huyền	Trần	IN002 - Bảo hiểm K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	765	10.00
877	31211021605	Trần Huyền	Trần	IN002 - Bảo hiểm K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	765	10.00
878	31211022450	Trương Nguyễn Khánh	Hoài	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	870	10.00
879	31211022450	Trương Nguyễn Khánh	Hoài	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	870	10.00
880	31211022450	Trương Nguyễn Khánh	Hoài	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	870	10.00
881	31211022450	Trương Nguyễn Khánh	Hoài	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	870	10.00
882	31211020026	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	895	10.00
883	31211020026	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	895	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
884	31211020026	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	895	10.00
885	31211020026	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	895	10.00
886	31211022787	Huỳnh Ngọc An	Nhi	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	865	10.00
887	31211022787	Huỳnh Ngọc An	Nhi	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	865	10.00
888	31211022787	Huỳnh Ngọc An	Nhi	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	865	10.00
889	31211022787	Huỳnh Ngọc An	Nhi	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	865	10.00
890	31211026825	Phạm Minh	Thắng	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	915	10.00
891	31211026825	Phạm Minh	Thắng	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	915	10.00
892	31211026825	Phạm Minh	Thắng	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	915	10.00
893	31211026825	Phạm Minh	Thắng	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	915	10.00
894	31211023488	Nguyễn Lan	Thanh	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	945	10.00
895	31211023488	Nguyễn Lan	Thanh	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	945	10.00
896	31211023488	Nguyễn Lan	Thanh	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	945	10.00
897	31211023488	Nguyễn Lan	Thanh	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	945	10.00
898	31211020778	Lê Thùy	Trang	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	885	10.00
899	31211020778	Lê Thùy	Trang	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	885	10.00
900	31211020778	Lê Thùy	Trang	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	885	10.00
901	31211020778	Lê Thùy	Trang	MR001 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	885	10.00
902	31211020728	Dương Ngọc Minh	Anh	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	710	10.00
903	31211020728	Dương Ngọc Minh	Anh	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	710	10.00
904	31211020728	Dương Ngọc Minh	Anh	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	710	10.00
905	31211020728	Dương Ngọc Minh	Anh	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	710	10.00
906	31211022358	Đặng Thu	Hằng	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	685	10.00
907	31211022358	Đặng Thu	Hằng	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	685	10.00
908	31211022358	Đặng Thu	Hằng	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	685	10.00
909	31211022358	Đặng Thu	Hằng	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	685	9.00
910	31211023288	Nguyễn Thị Thanh	Hương	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	880	10.00
911	31211023288	Nguyễn Thị Thanh	Hương	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	880	10.00
912	31211023288	Nguyễn Thị Thanh	Hương	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	880	10.00
913	31211023288	Nguyễn Thị Thanh	Hương	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	880	10.00
914	31211026817	Trần Nguyễn Xuân	Mai	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	805	10.00
915	31211026817	Trần Nguyễn Xuân	Mai	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	805	10.00
916	31211026817	Trần Nguyễn Xuân	Mai	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	805	10.00
917	31211026817	Trần Nguyễn Xuân	Mai	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	805	10.00
918	31211022453	Hắc Thị Thanh	Thanh	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	900	10.00
919	31211022453	Hắc Thị Thanh	Thanh	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	900	10.00
920	31211022453	Hắc Thị Thanh	Thanh	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	900	10.00
921	31211022453	Hắc Thị Thanh	Thanh	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	900	10.00
922	31211026823	Lê Phương	Thảo	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	790	10.00
923	31211026823	Lê Phương	Thảo	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	790	10.00
924	31211026823	Lê Phương	Thảo	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	790	10.00
925	31211026823	Lê Phương	Thảo	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	790	10.00
926	31211024036	Lâm Hoàng Uyên	Thư	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.5	10.00
927	31211024036	Lâm Hoàng Uyên	Thư	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.5	10.00
928	31211024036	Lâm Hoàng Uyên	Thư	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.5	10.00
929	31211024036	Lâm Hoàng Uyên	Thư	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.5	10.00
930	31211020781	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	780	10.00
931	31211020781	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	780	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
932	31211020781	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	780	10.00
933	31211020781	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	780	10.00
934	31211022789	Hà Thanh	Tú	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	675	10.00
935	31211020784	Nguyễn Ngọc	Tú	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	780	10.00
936	31211022789	Hà Thanh	Tú	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	675	10.00
937	31211020784	Nguyễn Ngọc	Tú	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	780	10.00
938	31211022789	Hà Thanh	Tú	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	675	10.00
939	31211020784	Nguyễn Ngọc	Tú	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	780	10.00
940	31211022789	Hà Thanh	Tú	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	675	9.00
941	31211020784	Nguyễn Ngọc	Tú	MR002 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	780	10.00
942	31211020733	Phạm Ngân	Hà	MR003 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	715	10.00
943	31211020733	Phạm Ngân	Hà	MR003 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	715	10.00
944	31211020733	Phạm Ngân	Hà	MR003 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	715	10.00
945	31211020733	Phạm Ngân	Hà	MR003 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	715	10.00
946	31211023482	Danh Trần Thanh	Hương	MR003 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	720	10.00
947	31211023482	Danh Trần Thanh	Hương	MR003 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	720	10.00
948	31211023482	Danh Trần Thanh	Hương	MR003 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	720	10.00
949	31211023482	Danh Trần Thanh	Hương	MR003 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	720	10.00
950	31211026100	Châu Thị Khả	Tú	MR003 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	735	10.00
951	31211026100	Châu Thị Khả	Tú	MR003 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	735	10.00
952	31211026100	Châu Thị Khả	Tú	MR003 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	735	10.00
953	31211026100	Châu Thị Khả	Tú	MR003 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	735	10.00
954	31211020788	Ngô Lê Hoàng	Vũ	MR003 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	560	10.00
955	31211020788	Ngô Lê Hoàng	Vũ	MR003 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	560	9.00
956	31211020788	Ngô Lê Hoàng	Vũ	MR003 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	560	8.00
957	31211020788	Ngô Lê Hoàng	Vũ	MR003 - Marketing K47	Marketing - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	560	7.00
958	31211026819	Đỗ Tuyết	Nhung	MRC02 - Marketing CLC TV K47	Marketing CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	945	10.00
959	31211026819	Đỗ Tuyết	Nhung	MRC02 - Marketing CLC TV K47	Marketing CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	945	10.00
960	31211026819	Đỗ Tuyết	Nhung	MRC02 - Marketing CLC TV K47	Marketing CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	945	10.00
961	31211026819	Đỗ Tuyết	Nhung	MRC02 - Marketing CLC TV K47	Marketing CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	945	10.00
962	31211023098	Cà Hoàng	Quân	MRC02 - Marketing CLC TV K47	Marketing CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	720	10.00
963	31211023098	Cà Hoàng	Quân	MRC02 - Marketing CLC TV K47	Marketing CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	720	10.00
964	31211023098	Cà Hoàng	Quân	MRC02 - Marketing CLC TV K47	Marketing CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	720	10.00
965	31211023098	Cà Hoàng	Quân	MRC02 - Marketing CLC TV K47	Marketing CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	720	9.00
966	31211023879	Nguyễn Thị Mai	Sương	MRC02 - Marketing CLC TV K47	Marketing CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	800	10.00
967	31211023879	Nguyễn Thị Mai	Sương	MRC02 - Marketing CLC TV K47	Marketing CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	800	10.00
968	31211023879	Nguyễn Thị Mai	Sương	MRC02 - Marketing CLC TV K47	Marketing CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	800	10.00
969	31211023879	Nguyễn Thị Mai	Sương	MRC02 - Marketing CLC TV K47	Marketing CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	800	10.00
970	31211024529	Phạm Thu	Hồng	NH001 - Ngân hàng 01 - K47	Ngân hàng - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	665	10.00
971	31211024529	Phạm Thu	Hồng	NH001 - Ngân hàng 01 - K47	Ngân hàng - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	665	10.00
972	31211024529	Phạm Thu	Hồng	NH001 - Ngân hàng 01 - K47	Ngân hàng - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	665	10.00
973	31211024529	Phạm Thu	Hồng	NH001 - Ngân hàng 01 - K47	Ngân hàng - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	665	9.00
974	31211022519	Lê Phương	Uyên	NH001 - Ngân hàng 01 - K47	Ngân hàng - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	850	10.00
975	31211022519	Lê Phương	Uyên	NH001 - Ngân hàng 01 - K47	Ngân hàng - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	850	10.00
976	31211022519	Lê Phương	Uyên	NH001 - Ngân hàng 01 - K47	Ngân hàng - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	850	10.00
977	31211022519	Lê Phương	Uyên	NH001 - Ngân hàng 01 - K47	Ngân hàng - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	850	10.00
978	31211021551	Phan Thoại Uyển	Vy	NH002 - Ngân hàng 02 - K47	Ngân hàng - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	635	10.00
979	31211021551	Phan Thoại Uyển	Vy	NH002 - Ngân hàng 02 - K47	Ngân hàng - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	635	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
980	31211021551	Phan Thoại Uyển	Vy	NH002 - Ngân hàng 02 - K47	Ngân hàng - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	635	9.00
981	31211021551	Phan Thoại Uyển	Vy	NH002 - Ngân hàng 02 - K47	Ngân hàng - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	635	8.00
982	31211021282	Lê Thái	Hòa	NHC01 - Ngân hàng CLC TV K47	Ngân hàng CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	835	10.00
983	31211021282	Lê Thái	Hòa	NHC01 - Ngân hàng CLC TV K47	Ngân hàng CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	835	10.00
984	31211021282	Lê Thái	Hòa	NHC01 - Ngân hàng CLC TV K47	Ngân hàng CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	835	10.00
985	31211021282	Lê Thái	Hòa	NHC01 - Ngân hàng CLC TV K47	Ngân hàng CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	835	10.00
986	31211024981	Tô Trần Thanh	Trúc	NHC01 - Ngân hàng CLC TV K47	Ngân hàng CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	920	10.00
987	31211024981	Tô Trần Thanh	Trúc	NHC01 - Ngân hàng CLC TV K47	Ngân hàng CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	920	10.00
988	31211024981	Tô Trần Thanh	Trúc	NHC01 - Ngân hàng CLC TV K47	Ngân hàng CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	920	10.00
989	31211024981	Tô Trần Thanh	Trúc	NHC01 - Ngân hàng CLC TV K47	Ngân hàng CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	920	10.00
990	31211024524	Nguyễn Thị Thu	Hà	ND001 - Ngân hàng đầu tư 01 - K47	Ngân hàng đầu tư - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	740	10.00
991	31211024524	Nguyễn Thị Thu	Hà	ND001 - Ngân hàng đầu tư 01 - K47	Ngân hàng đầu tư - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	740	10.00
992	31211024524	Nguyễn Thị Thu	Hà	ND001 - Ngân hàng đầu tư 01 - K47	Ngân hàng đầu tư - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	740	10.00
993	31211024524	Nguyễn Thị Thu	Hà	ND001 - Ngân hàng đầu tư 01 - K47	Ngân hàng đầu tư - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	740	10.00
994	31211021384	Hoàng Thảo	Nhi	ND001 - Ngân hàng đầu tư 01 - K47	Ngân hàng đầu tư - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	880	10.00
995	31211021384	Hoàng Thảo	Nhi	ND001 - Ngân hàng đầu tư 01 - K47	Ngân hàng đầu tư - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	880	10.00
996	31211021384	Hoàng Thảo	Nhi	ND001 - Ngân hàng đầu tư 01 - K47	Ngân hàng đầu tư - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	880	10.00
997	31211021384	Hoàng Thảo	Nhi	ND001 - Ngân hàng đầu tư 01 - K47	Ngân hàng đầu tư - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	880	10.00
998	31211025830	Huỳnh Tấn	Phát	ND001 - Ngân hàng đầu tư 01 - K47	Ngân hàng đầu tư - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	640	10.00
999	31211025830	Huỳnh Tấn	Phát	ND001 - Ngân hàng đầu tư 01 - K47	Ngân hàng đầu tư - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	640	10.00
1000	31211022506	Nguyễn Thị Kim	Ngân	NQ001 - Ngân hàng quốc tế 01 - K47	Ngân hàng quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	610	10.00
1001	31211022506	Nguyễn Thị Kim	Ngân	NQ001 - Ngân hàng quốc tế 01 - K47	Ngân hàng quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	610	10.00
1002	31211022506	Nguyễn Thị Kim	Ngân	NQ001 - Ngân hàng quốc tế 01 - K47	Ngân hàng quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	610	9.00
1003	31211022506	Nguyễn Thị Kim	Ngân	NQ001 - Ngân hàng quốc tế 01 - K47	Ngân hàng quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	610	8.00
1004	31211020969	Mai Xuân	Nghi	NQ001 - Ngân hàng quốc tế 01 - K47	Ngân hàng quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	905	10.00
1005	31211020969	Mai Xuân	Nghi	NQ001 - Ngân hàng quốc tế 01 - K47	Ngân hàng quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	905	10.00
1006	31211020969	Mai Xuân	Nghi	NQ001 - Ngân hàng quốc tế 01 - K47	Ngân hàng quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	905	10.00
1007	31211020969	Mai Xuân	Nghi	NQ001 - Ngân hàng quốc tế 01 - K47	Ngân hàng quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	905	10.00
1008	31211025652	Hoàng Đức Kính	Nghĩa	NQ001 - Ngân hàng quốc tế 01 - K47	Ngân hàng quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	715	10.00
1009	31211025652	Hoàng Đức Kính	Nghĩa	NQ001 - Ngân hàng quốc tế 01 - K47	Ngân hàng quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	715	10.00
1010	31211025652	Hoàng Đức Kính	Nghĩa	NQ001 - Ngân hàng quốc tế 01 - K47	Ngân hàng quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	715	10.00
1011	31211025652	Hoàng Đức Kính	Nghĩa	NQ001 - Ngân hàng quốc tế 01 - K47	Ngân hàng quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	715	10.00
1012	31211025541	Nguyễn Thị Bích	Quyên	NQ001 - Ngân hàng quốc tế 01 - K47	Ngân hàng quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	635	10.00
1013	31211025541	Nguyễn Thị Bích	Quyên	NQ001 - Ngân hàng quốc tế 01 - K47	Ngân hàng quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	635	10.00
1014	31211025541	Nguyễn Thị Bích	Quyên	NQ001 - Ngân hàng quốc tế 01 - K47	Ngân hàng quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	635	9.00
1015	31211025541	Nguyễn Thị Bích	Quyên	NQ001 - Ngân hàng quốc tế 01 - K47	Ngân hàng quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	635	8.00
1016	31211024047	Vương Thụy Hà	An	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	690	10.00
1017	31211024047	Vương Thụy Hà	An	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	690	10.00
1018	31211024047	Vương Thụy Hà	An	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	690	10.00
1019	31211027195	Nguyễn Quang	Anh	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	625	10.00
1020	31211020861	Đặng Văn	Anh	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	900	10.00
1021	31211020861	Đặng Văn	Anh	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	900	10.00
1022	31211027195	Nguyễn Quang	Anh	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	625	10.00
1023	31211020861	Đặng Văn	Anh	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	900	10.00
1024	31211027195	Nguyễn Quang	Anh	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	625	9.00
1025	31211020861	Đặng Văn	Anh	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	900	10.00
1026	31211025799	Trương Hoàng Liên	Châu	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	840	10.00
1027	31211025799	Trương Hoàng Liên	Châu	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	840	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1028	31211025799	Trương Hoàng Liên	Châu	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	840	10.00
1029	31211025799	Trương Hoàng Liên	Châu	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	840	10.00
1030	31211020887	Phạm Mẫn	Di	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	835	10.00
1031	31211020887	Phạm Mẫn	Di	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	835	10.00
1032	31211020887	Phạm Mẫn	Di	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	835	10.00
1033	31211020887	Phạm Mẫn	Di	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	835	10.00
1034	31211022686	Võ Hoài	Giang	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	945	10.00
1035	31211022686	Võ Hoài	Giang	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	945	10.00
1036	31211022686	Võ Hoài	Giang	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	945	10.00
1037	31211022686	Võ Hoài	Giang	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	945	10.00
1038	31211024492	Nguyễn Văn	Lại	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	750	10.00
1039	31211024492	Nguyễn Văn	Lại	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	750	10.00
1040	31211024492	Nguyễn Văn	Lại	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	750	10.00
1041	31211024492	Nguyễn Văn	Lại	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	750	10.00
1042	31211025976	Vòng Ngọc	Linh	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	700	10.00
1043	31211025976	Vòng Ngọc	Linh	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	700	10.00
1044	31211025976	Vòng Ngọc	Linh	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	700	10.00
1045	31211025976	Vòng Ngọc	Linh	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	700	10.00
1046	31211020981	Hà Thị Kiều	Oanh	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	555	10.00
1047	31211020981	Hà Thị Kiều	Oanh	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	555	9.00
1048	31211020981	Hà Thị Kiều	Oanh	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	555	8.00
1049	31211020981	Hà Thị Kiều	Oanh	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	555	7.00
1050	31211024337	Trương Thị	Quý	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	810	10.00
1051	31211020990	Phạm Lê Ngọc Diễm	Quỳnh	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	985	10.00
1052	31211020990	Phạm Lê Ngọc Diễm	Quỳnh	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	985	10.00
1053	31211020990	Phạm Lê Ngọc Diễm	Quỳnh	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	985	10.00
1054	31211020990	Phạm Lê Ngọc Diễm	Quỳnh	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	985	10.00
1055	31211026961	Trịnh Quốc	Trung	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	945	10.00
1056	31211026961	Trịnh Quốc	Trung	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	945	10.00
1057	31211026961	Trịnh Quốc	Trung	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	945	10.00
1058	31211026961	Trịnh Quốc	Trung	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	945	10.00
1059	31211026549	Võ Thị Kiều	Vy	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	715	10.00
1060	31211026549	Võ Thị Kiều	Vy	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	715	10.00
1061	31211026549	Võ Thị Kiều	Vy	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	715	10.00
1062	31211026549	Võ Thị Kiều	Vy	FT001 - Ngoại thương 01 - K47	Ngoại thương - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	715	10.00
1063	31211025796	Nguyễn Ngọc Châu	Anh	FTC01 - Ngoại thương CLC TA K47	Ngoại thương CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513097	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 1	860	10.00
1064	31211025796	Nguyễn Ngọc Châu	Anh	FTC01 - Ngoại thương CLC TA K47	Ngoại thương CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513098	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 2	860	10.00
1065	31211025796	Nguyễn Ngọc Châu	Anh	FTC01 - Ngoại thương CLC TA K47	Ngoại thương CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513099	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 3	860	10.00
1066	31211025796	Nguyễn Ngọc Châu	Anh	FTC01 - Ngoại thương CLC TA K47	Ngoại thương CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513100	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 4	860	10.00
1067	31211025796	Nguyễn Ngọc Châu	Anh	FTC01 - Ngoại thương CLC TA K47	Ngoại thương CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513105	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 5	860	10.00
1068	31211025796	Nguyễn Ngọc Châu	Anh	FTC01 - Ngoại thương CLC TA K47	Ngoại thương CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513106	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 6	860	9.00
1069	31211020200	Nguyễn Bá Thiên	Kim	FTC01 - Ngoại thương CLC TA K47	Ngoại thương CLC (TA) - K47	IELTS	ENG513105	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 5	7.5	10.00
1070	31211020200	Nguyễn Bá Thiên	Kim	FTC01 - Ngoại thương CLC TA K47	Ngoại thương CLC (TA) - K47	IELTS	ENG513106	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 6	7.5	10.00
1071	31211022203	Lê Tiến	Duy	PM001 - Quản lý công K47	Quản lý công - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	830	10.00
1072	31211022203	Lê Tiến	Duy	PM001 - Quản lý công K47	Quản lý công - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	830	10.00
1073	31211022203	Lê Tiến	Duy	PM001 - Quản lý công K47	Quản lý công - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	830	10.00
1074	31211022203	Lê Tiến	Duy	PM001 - Quản lý công K47	Quản lý công - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	830	10.00
1075	31211022226	Văn Ngọc	My	PM001 - Quản lý công K47	Quản lý công - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	570	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1076	31211022226	Văn Ngọc	My	PM001 - Quản lý công K47	Quản lý công - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	570	9.00
1077	31211022226	Văn Ngọc	My	PM001 - Quản lý công K47	Quản lý công - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	570	8.00
1078	31211022226	Văn Ngọc	My	PM001 - Quản lý công K47	Quản lý công - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	570	7.00
1079	31211023412	Nguyễn Lê Khánh	Vy	PM001 - Quản lý công K47	Quản lý công - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	830	10.00
1080	31211023412	Nguyễn Lê Khánh	Vy	PM001 - Quản lý công K47	Quản lý công - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	830	10.00
1081	31211023412	Nguyễn Lê Khánh	Vy	PM001 - Quản lý công K47	Quản lý công - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	830	10.00
1082	31211023412	Nguyễn Lê Khánh	Vy	PM001 - Quản lý công K47	Quản lý công - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	830	10.00
1083	31211021311	Bùi Thảo	My	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Quản lý thuế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	775	10.00
1084	31211021311	Bùi Thảo	My	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Quản lý thuế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	775	10.00
1085	31211021311	Bùi Thảo	My	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Quản lý thuế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	775	10.00
1086	31211021311	Bùi Thảo	My	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Quản lý thuế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	775	10.00
1087	31211021311	Bùi Thảo	My	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Quản lý thuế - Khóa 47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	775	10.00
1088	31211021311	Bùi Thảo	My	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Quản lý thuế - Khóa 47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	775	9.00
1089	31211026723	Quách Gia	Hân	AD001 - Quản trị 01 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	950	10.00
1090	31211026723	Quách Gia	Hân	AD001 - Quản trị 01 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	950	10.00
1091	31211026723	Quách Gia	Hân	AD001 - Quản trị 01 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	950	10.00
1092	31211026723	Quách Gia	Hân	AD001 - Quản trị 01 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	950	10.00
1093	31211025762	Trần Thị Ngọc	Minh	AD001 - Quản trị 01 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	610	10.00
1094	31211025762	Trần Thị Ngọc	Minh	AD001 - Quản trị 01 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	610	10.00
1095	31211020140	Trần Võ Trúc	Nhi	AD001 - Quản trị 01 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	855	10.00
1096	31211020140	Trần Võ Trúc	Nhi	AD001 - Quản trị 01 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	855	10.00
1097	31211020140	Trần Võ Trúc	Nhi	AD001 - Quản trị 01 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	855	10.00
1098	31211020140	Trần Võ Trúc	Nhi	AD001 - Quản trị 01 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	855	10.00
1099	31211020681	Nguyễn Ngọc Vân	Trang	AD001 - Quản trị 01 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	775	10.00
1100	31211020681	Nguyễn Ngọc Vân	Trang	AD001 - Quản trị 01 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	775	10.00
1101	31211020681	Nguyễn Ngọc Vân	Trang	AD001 - Quản trị 01 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	775	10.00
1102	31211020681	Nguyễn Ngọc Vân	Trang	AD001 - Quản trị 01 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	775	10.00
1103	31211026155	Cao Thị Hồng	Yên	AD001 - Quản trị 01 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	875	10.00
1104	31211026155	Cao Thị Hồng	Yên	AD001 - Quản trị 01 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	875	10.00
1105	31211026155	Cao Thị Hồng	Yên	AD001 - Quản trị 01 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	875	10.00
1106	31211026155	Cao Thị Hồng	Yên	AD001 - Quản trị 01 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	875	10.00
1107	31211023995	Lê Thị Minh	Ánh	AD002 - Quản trị 02 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	595	10.00
1108	31211023995	Lê Thị Minh	Ánh	AD002 - Quản trị 02 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	595	9.00
1109	31211023995	Lê Thị Minh	Ánh	AD002 - Quản trị 02 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	595	8.00
1110	31211023995	Lê Thị Minh	Ánh	AD002 - Quản trị 02 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	595	7.00
1111	31211025750	Cao Thị Kiều	Giang	AD002 - Quản trị 02 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	810	10.00
1112	31211025750	Cao Thị Kiều	Giang	AD002 - Quản trị 02 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	810	10.00
1113	31211025750	Cao Thị Kiều	Giang	AD002 - Quản trị 02 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	810	10.00
1114	31211025750	Cao Thị Kiều	Giang	AD002 - Quản trị 02 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	810	10.00
1115	31211020518	Lê Thảo	Liên	AD002 - Quản trị 02 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	680	10.00
1116	31211020518	Lê Thảo	Liên	AD002 - Quản trị 02 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	680	10.00
1117	31211020518	Lê Thảo	Liên	AD002 - Quản trị 02 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	680	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1118	31211020518	Lê Thảo	Liên	AD002 - Quản trị 02 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	680	9.00
1119	31211020659	Ngô Thị Thanh	Thùy	AD002 - Quản trị 02 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	835	10.00
1120	31211020659	Ngô Thị Thanh	Thùy	AD002 - Quản trị 02 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	835	10.00
1121	31211020659	Ngô Thị Thanh	Thùy	AD002 - Quản trị 02 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	835	10.00
1122	31211020659	Ngô Thị Thanh	Thùy	AD002 - Quản trị 02 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	835	10.00
1123	31211022655	Đinh Thị Ánh	Tuyết	AD002 - Quản trị 02 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	705	10.00
1124	31211022655	Đinh Thị Ánh	Tuyết	AD002 - Quản trị 02 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	705	10.00
1125	31211022655	Đinh Thị Ánh	Tuyết	AD002 - Quản trị 02 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	705	10.00
1126	31211022655	Đinh Thị Ánh	Tuyết	AD002 - Quản trị 02 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	705	10.00
1127	31211022439	Lê Khánh	Tâm	AD003 - Quản trị 03 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	695	10.00
1128	31211022439	Lê Khánh	Tâm	AD003 - Quản trị 03 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	695	10.00
1129	31211022439	Lê Khánh	Tâm	AD003 - Quản trị 03 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	695	10.00
1130	31211022439	Lê Khánh	Tâm	AD003 - Quản trị 03 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	695	9.00
1131	31211025145	Nguyễn Thị Kim	Huyền	AD005 - Quản trị 05 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	970	10.00
1132	31211025145	Nguyễn Thị Kim	Huyền	AD005 - Quản trị 05 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	970	10.00
1133	31211025145	Nguyễn Thị Kim	Huyền	AD005 - Quản trị 05 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	970	10.00
1134	31211025145	Nguyễn Thị Kim	Huyền	AD005 - Quản trị 05 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	970	10.00
1135	31211024153	Vũ Đình	Khang	AD005 - Quản trị 05 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	910	10.00
1136	31211024153	Vũ Đình	Khang	AD005 - Quản trị 05 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	910	10.00
1137	31211024153	Vũ Đình	Khang	AD005 - Quản trị 05 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	910	10.00
1138	31211024153	Vũ Đình	Khang	AD005 - Quản trị 05 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	910	10.00
1139	31211024001	Nguyễn Hoàng Mỹ	Hạnh	AD006 - Quản trị 06 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	695	10.00
1140	31211024001	Nguyễn Hoàng Mỹ	Hạnh	AD006 - Quản trị 06 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	695	10.00
1141	31211024001	Nguyễn Hoàng Mỹ	Hạnh	AD006 - Quản trị 06 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	695	10.00
1142	31211024001	Nguyễn Hoàng Mỹ	Hạnh	AD006 - Quản trị 06 - K47	Quản trị - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	695	9.00
1143	31211027959	Hồ Minh	Khoa	BV001 - Quản lý bệnh viện K47	Quản trị bệnh viện - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	775	10.00
1144	31211027959	Hồ Minh	Khoa	BV001 - Quản lý bệnh viện K47	Quản trị bệnh viện - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	775	10.00
1145	31211027959	Hồ Minh	Khoa	BV001 - Quản lý bệnh viện K47	Quản trị bệnh viện - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	775	10.00
1146	31211027959	Hồ Minh	Khoa	BV001 - Quản lý bệnh viện K47	Quản trị bệnh viện - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	775	10.00
1147	31211028007	Lâm Uyển	Thy	BV001 - Quản lý bệnh viện K47	Quản trị bệnh viện - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	715	10.00
1148	31211028007	Lâm Uyển	Thy	BV001 - Quản lý bệnh viện K47	Quản trị bệnh viện - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	715	10.00
1149	31211028007	Lâm Uyển	Thy	BV001 - Quản lý bệnh viện K47	Quản trị bệnh viện - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	715	10.00
1150	31211028007	Lâm Uyển	Thy	BV001 - Quản lý bệnh viện K47	Quản trị bệnh viện - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	715	10.00
1151	31211020416	Phạm Nguyễn Phương	Trang	BV001 - Quản lý bệnh viện K47	Quản trị bệnh viện - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	700	10.00
1152	31211020416	Phạm Nguyễn Phương	Trang	BV001 - Quản lý bệnh viện K47	Quản trị bệnh viện - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	700	10.00
1153	31211020416	Phạm Nguyễn Phương	Trang	BV001 - Quản lý bệnh viện K47	Quản trị bệnh viện - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	700	10.00
1154	31211020416	Phạm Nguyễn Phương	Trang	BV001 - Quản lý bệnh viện K47	Quản trị bệnh viện - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	700	10.00
1155	31211023453	Lê Ngọc	Hà	CL001 - Quản trị chất lượng 01 - K47	Quản trị chất lượng - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	755	10.00
1156	31211023453	Lê Ngọc	Hà	CL001 - Quản trị chất lượng 01 - K47	Quản trị chất lượng - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	755	10.00
1157	31211023453	Lê Ngọc	Hà	CL001 - Quản trị chất lượng 01 - K47	Quản trị chất lượng - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	755	10.00
1158	31211023453	Lê Ngọc	Hà	CL001 - Quản trị chất lượng 01 - K47	Quản trị chất lượng - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	755	10.00
1159	31211026302	Phùng Ngọc	Huy	CL001 - Quản trị chất lượng 01 - K47	Quản trị chất lượng - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	815	10.00
1160	31211026302	Phùng Ngọc	Huy	CL001 - Quản trị chất lượng 01 - K47	Quản trị chất lượng - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	815	10.00
1161	31211026302	Phùng Ngọc	Huy	CL001 - Quản trị chất lượng 01 - K47	Quản trị chất lượng - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	815	10.00
1162	31211026302	Phùng Ngọc	Huy	CL001 - Quản trị chất lượng 01 - K47	Quản trị chất lượng - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	815	10.00
1163	31211023837	Đào Thảo	Nguyên	CL001 - Quản trị chất lượng 01 - K47	Quản trị chất lượng - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	780	10.00
1164	31211023837	Đào Thảo	Nguyên	CL001 - Quản trị chất lượng 01 - K47	Quản trị chất lượng - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	780	10.00
1165	31211023837	Đào Thảo	Nguyên	CL001 - Quản trị chất lượng 01 - K47	Quản trị chất lượng - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	780	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CĐĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1166	31211023837	Đào Thảo	Nguyễn	CL001 - Quản trị chất lượng 01 - K47	Quản trị chất lượng - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	780	10.00
1167	31211024014	Lê Đức	Nhân	CL001 - Quản trị chất lượng 01 - K47	Quản trị chất lượng - Khóa 47	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5	10.00
1168	31211024014	Lê Đức	Nhân	CL001 - Quản trị chất lượng 01 - K47	Quản trị chất lượng - Khóa 47	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5	9.00
1169	31211024014	Lê Đức	Nhân	CL001 - Quản trị chất lượng 01 - K47	Quản trị chất lượng - Khóa 47	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5	8.00
1170	31211024014	Lê Đức	Nhân	CL001 - Quản trị chất lượng 01 - K47	Quản trị chất lượng - Khóa 47	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5	7.00
1171	31211025438	Nguyễn Minh	Thư	CL001 - Quản trị chất lượng 01 - K47	Quản trị chất lượng - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	605	10.00
1172	31211025438	Nguyễn Minh	Thư	CL001 - Quản trị chất lượng 01 - K47	Quản trị chất lượng - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	605	10.00
1173	31211025438	Nguyễn Minh	Thư	CL001 - Quản trị chất lượng 01 - K47	Quản trị chất lượng - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	605	9.00
1174	31211025438	Nguyễn Minh	Thư	CL001 - Quản trị chất lượng 01 - K47	Quản trị chất lượng - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	605	8.00
1175	31211025910	Lê Nguyễn Thúy	Đinh	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	755	10.00
1176	31211025910	Lê Nguyễn Thúy	Đinh	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	755	10.00
1177	31211025910	Lê Nguyễn Thúy	Đinh	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	755	10.00
1178	31211025910	Lê Nguyễn Thúy	Đinh	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	755	10.00
1179	31211025910	Lê Nguyễn Thúy	Đinh	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513117	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 5	755	9.00
1180	31211025910	Lê Nguyễn Thúy	Đinh	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513118	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 6	755	8.00
1181	31211023998	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	845	10.00
1182	31211024284	Nguyễn Nữ Ánh	Dương	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	910	10.00
1183	31211023998	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	845	10.00
1184	31211024284	Nguyễn Nữ Ánh	Dương	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	910	10.00
1185	31211023998	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	845	10.00
1186	31211024284	Nguyễn Nữ Ánh	Dương	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	910	10.00
1187	31211023998	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	845	10.00
1188	31211024284	Nguyễn Nữ Ánh	Dương	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	910	10.00
1189	31211023998	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513117	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 5	845	10.00
1190	31211024284	Nguyễn Nữ Ánh	Dương	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513117	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 5	910	10.00
1191	31211023998	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513118	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 6	845	9.00
1192	31211024284	Nguyễn Nữ Ánh	Dương	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513118	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 6	910	10.00
1193	31211025620	Nguyễn Trần Hữu	Huy	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	8.0	10.00
1194	31211025620	Nguyễn Trần Hữu	Huy	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	8.0	10.00
1195	31211025620	Nguyễn Trần Hữu	Huy	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	8.0	10.00
1196	31211025620	Nguyễn Trần Hữu	Huy	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	8.0	10.00
1197	31211025620	Nguyễn Trần Hữu	Huy	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	IELTS	ENG513117	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 5	8.0	10.00
1198	31211025620	Nguyễn Trần Hữu	Huy	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	IELTS	ENG513118	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 6	8.0	10.00
1199	31211026544	Nguyễn Gia	Khang	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	970	10.00
1200	31211026544	Nguyễn Gia	Khang	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	970	10.00
1201	31211026544	Nguyễn Gia	Khang	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	970	10.00
1202	31211026544	Nguyễn Gia	Khang	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	970	10.00
1203	31211026544	Nguyễn Gia	Khang	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513117	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 5	970	10.00
1204	31211026544	Nguyễn Gia	Khang	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513118	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 6	970	10.00
1205	31211020562	Lê Thị Thanh	Ngân	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	705	10.00
1206	31211020562	Lê Thị Thanh	Ngân	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	705	10.00
1207	31211020562	Lê Thị Thanh	Ngân	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	705	10.00
1208	31211020562	Lê Thị Thanh	Ngân	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	705	10.00
1209	31211020562	Lê Thị Thanh	Ngân	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513117	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 5	705	9.00
1210	31211020562	Lê Thị Thanh	Ngân	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513118	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 6	705	8.00
1211	31211024013	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	740	10.00
1212	31211024013	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	740	10.00
1213	31211024013	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	740	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1214	31211024013	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	740	10.00
1215	31211024013	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513117	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 5	740	9.00
1216	31211024013	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513118	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 6	740	8.00
1217	31211026409	Nguyễn Trần Bảo	Thiên	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.0	10.00
1218	31211026409	Nguyễn Trần Bảo	Thiên	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.0	10.00
1219	31211026409	Nguyễn Trần Bảo	Thiên	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.0	10.00
1220	31211026409	Nguyễn Trần Bảo	Thiên	ADC02 - Quản trị CLC TA K47	Quản trị CLC (TA) - K47	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.0	9.00
1221	31211021573	Nguyễn Duy	Vũ	ADC03 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	565	9.00
1222	31211021573	Nguyễn Duy	Vũ	ADC03 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	565	8.00
1223	31211025136	Đặng Châu Hoàng	Yến	ADC03 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.5	9.00
1224	31211024924	Nguyễn Thị Minh	Anh	ADC04 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	640	10.00
1225	31211024924	Nguyễn Thị Minh	Anh	ADC04 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	640	9.00
1226	31211024924	Nguyễn Thị Minh	Anh	ADC04 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	640	8.00
1227	31211024924	Nguyễn Thị Minh	Anh	ADC04 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	640	7.00
1228	31211024929	Nguyễn Phương	Hà	ADC04 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	685	10.00
1229	31211024929	Nguyễn Phương	Hà	ADC04 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	685	9.00
1230	31211024929	Nguyễn Phương	Hà	ADC04 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	685	8.00
1231	31211022609	Nguyễn Anh	Khoa	ADC04 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	855	10.00
1232	31211022609	Nguyễn Anh	Khoa	ADC04 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	855	10.00
1233	31211022609	Nguyễn Anh	Khoa	ADC04 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	855	10.00
1234	31211022609	Nguyễn Anh	Khoa	ADC04 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	855	10.00
1235	31211020702	Lê Lâm	Tùng	ADC04 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	790	10.00
1236	31211020702	Lê Lâm	Tùng	ADC04 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	790	10.00
1237	31211020702	Lê Lâm	Tùng	ADC04 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	790	10.00
1238	31211020702	Lê Lâm	Tùng	ADC04 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	790	9.00
1239	31211025937	Võ Hồng Thu	Uyên	ADC04 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	955	10.00
1240	31211025937	Võ Hồng Thu	Uyên	ADC04 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	955	10.00
1241	31211025937	Võ Hồng Thu	Uyên	ADC04 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	955	10.00
1242	31211025937	Võ Hồng Thu	Uyên	ADC04 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	955	10.00
1243	31211026945	Trần Nguyễn Thế	Nhân	ADC06 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	775	10.00
1244	31211026945	Trần Nguyễn Thế	Nhân	ADC06 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	775	10.00
1245	31211026945	Trần Nguyễn Thế	Nhân	ADC06 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	775	10.00
1246	31211026945	Trần Nguyễn Thế	Nhân	ADC06 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	775	9.00
1247	31211026905	Trịnh Thái	Ngọc	ADC07 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	665	10.00
1248	31211026905	Trịnh Thái	Ngọc	ADC07 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	665	10.00
1249	31211026905	Trịnh Thái	Ngọc	ADC07 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	665	9.00
1250	31211026905	Trịnh Thái	Ngọc	ADC07 - Quản trị CLC TV K47	Quản trị CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	665	8.00
1251	31211025551	Nguyễn Thị Kim	Liên	CN001 - Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo 01 - K47	Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo - Khóa 47	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.0	10.00
1252	31211025551	Nguyễn Thị Kim	Liên	CN001 - Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo 01 - K47	Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo - Khóa 47	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.0	9.00
1253	31211024342	Nguyễn Phạm Hoàng	Thi	CN001 - Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo 01 - K47	Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	870	10.00
1254	31211024342	Nguyễn Phạm Hoàng	Thi	CN001 - Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo 01 - K47	Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	870	10.00
1255	31211028098	Nguyễn Thị Hoàng	Mỹ	CR001 - Quản trị du thuyền 01 - K47	Quản trị du thuyền - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	725	10.00
1256	31211028098	Nguyễn Thị Hoàng	Mỹ	CR001 - Quản trị du thuyền 01 - K47	Quản trị du thuyền - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	725	10.00
1257	31211028098	Nguyễn Thị Hoàng	Mỹ	CR001 - Quản trị du thuyền 01 - K47	Quản trị du thuyền - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	725	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1258	31211028098	Nguyễn Thị Hoàng	Mỹ	CR001 - Quản trị du thuyền 01 - K47	Quản trị du thuyền - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	725	10.00
1259	31211026628	Nguyễn Thúy	Hằng	HQ001 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 01 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	720	10.00
1260	31211026628	Nguyễn Thúy	Hằng	HQ001 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 01 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	720	10.00
1261	31211026628	Nguyễn Thúy	Hằng	HQ001 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 01 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	720	10.00
1262	31211026628	Nguyễn Thúy	Hằng	HQ001 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 01 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	720	10.00
1263	31211026578	Cao Ngọc	My	HQ001 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 01 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	635	10.00
1264	31211026578	Cao Ngọc	My	HQ001 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 01 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	635	10.00
1265	31211024095	Trịnh Nguyễn	Phát	HQ001 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 01 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	685	10.00
1266	31211024095	Trịnh Nguyễn	Phát	HQ001 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 01 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	685	10.00
1267	31211024095	Trịnh Nguyễn	Phát	HQ001 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 01 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	685	10.00
1268	31211024095	Trịnh Nguyễn	Phát	HQ001 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 01 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	685	9.00
1269	31211022515	Phạm Ngọc Thùy	Trâm	HQ001 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 01 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	835	10.00
1270	31211022515	Phạm Ngọc Thùy	Trâm	HQ001 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 01 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	835	10.00
1271	31211022515	Phạm Ngọc Thùy	Trâm	HQ001 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 01 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	835	10.00
1272	31211022515	Phạm Ngọc Thùy	Trâm	HQ001 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 01 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	835	10.00
1273	31211026872	Trương Trần Thảo	Vi	HQ001 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 01 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	775	10.00
1274	31211026872	Trương Trần Thảo	Vi	HQ001 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 01 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	775	10.00
1275	31211026872	Trương Trần Thảo	Vi	HQ001 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 01 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	775	10.00
1276	31211026872	Trương Trần Thảo	Vi	HQ001 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 01 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	775	10.00
1277	31211021367	Trần Thị Hồng	Ngọc	HQ002 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 02 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	735	10.00
1278	31211021367	Trần Thị Hồng	Ngọc	HQ002 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 02 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	735	10.00
1279	31211021367	Trần Thị Hồng	Ngọc	HQ002 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 02 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	735	10.00
1280	31211021367	Trần Thị Hồng	Ngọc	HQ002 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 02 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	735	10.00
1281	31211021417	Thiều Thị Yến	Oanh	HQ002 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 02 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	670	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1282	31211021417	Thiều Thị Yến	Oanh	HQ002 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 02 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	670	10.00
1283	31211021417	Thiều Thị Yến	Oanh	HQ002 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 02 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	670	10.00
1284	31211021417	Thiều Thị Yến	Oanh	HQ002 - Quản trị hải quan - Ngoại thương 02 - K47	Quản trị Hải quan - Ngoại thương Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	670	9.00
1285	31211028240	Bùi Hoàng Lâm	Bình	KS001 - Quản trị khách sạn 01 - K47	Quản trị khách sạn - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	705	10.00
1286	31211028240	Bùi Hoàng Lâm	Bình	KS001 - Quản trị khách sạn 01 - K47	Quản trị khách sạn - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	705	10.00
1287	31211028240	Bùi Hoàng Lâm	Bình	KS001 - Quản trị khách sạn 01 - K47	Quản trị khách sạn - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	705	10.00
1288	31211028240	Bùi Hoàng Lâm	Bình	KS001 - Quản trị khách sạn 01 - K47	Quản trị khách sạn - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	705	10.00
1289	31211028335	Võ Trung	Nghĩa	KS001 - Quản trị khách sạn 01 - K47	Quản trị khách sạn - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	820	10.00
1290	31211028335	Võ Trung	Nghĩa	KS001 - Quản trị khách sạn 01 - K47	Quản trị khách sạn - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	820	10.00
1291	31211028335	Võ Trung	Nghĩa	KS001 - Quản trị khách sạn 01 - K47	Quản trị khách sạn - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	820	10.00
1292	31211028335	Võ Trung	Nghĩa	KS001 - Quản trị khách sạn 01 - K47	Quản trị khách sạn - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	820	10.00
1293	31211027234	Nguyễn Hà Anh	Thy	KS001 - Quản trị khách sạn 01 - K47	Quản trị khách sạn - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	680	10.00
1294	31211027234	Nguyễn Hà Anh	Thy	KS001 - Quản trị khách sạn 01 - K47	Quản trị khách sạn - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	680	10.00
1295	31211027234	Nguyễn Hà Anh	Thy	KS001 - Quản trị khách sạn 01 - K47	Quản trị khách sạn - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	680	10.00
1296	31211027234	Nguyễn Hà Anh	Thy	KS001 - Quản trị khách sạn 01 - K47	Quản trị khách sạn - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	680	9.00
1297	31211028359	Lê Nguyễn Hoàng	Phương	KS002 - Quản trị khách sạn 02 - K47	Quản trị khách sạn - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	835	10.00
1298	31211028359	Lê Nguyễn Hoàng	Phương	KS002 - Quản trị khách sạn 02 - K47	Quản trị khách sạn - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	835	10.00
1299	31211028359	Lê Nguyễn Hoàng	Phương	KS002 - Quản trị khách sạn 02 - K47	Quản trị khách sạn - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	835	10.00
1300	31211028359	Lê Nguyễn Hoàng	Phương	KS002 - Quản trị khách sạn 02 - K47	Quản trị khách sạn - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	835	10.00
1301	31211027256	Lê Hoàng	Lâm	EM001 - Quản trị khởi nghiệp 01 - K47	Quản trị khởi nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	965	10.00
1302	31211027256	Lê Hoàng	Lâm	EM001 - Quản trị khởi nghiệp 01 - K47	Quản trị khởi nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	965	10.00
1303	31211027256	Lê Hoàng	Lâm	EM001 - Quản trị khởi nghiệp 01 - K47	Quản trị khởi nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	965	10.00
1304	31211027256	Lê Hoàng	Lâm	EM001 - Quản trị khởi nghiệp 01 - K47	Quản trị khởi nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	965	10.00
1305	31211027261	Nguyễn Dương Ngọc	Thủy	EM001 - Quản trị khởi nghiệp 01 - K47	Quản trị khởi nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	925	10.00
1306	31211027261	Nguyễn Dương Ngọc	Thủy	EM001 - Quản trị khởi nghiệp 01 - K47	Quản trị khởi nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	925	10.00
1307	31211027261	Nguyễn Dương Ngọc	Thủy	EM001 - Quản trị khởi nghiệp 01 - K47	Quản trị khởi nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	925	10.00
1308	31211027261	Nguyễn Dương Ngọc	Thủy	EM001 - Quản trị khởi nghiệp 01 - K47	Quản trị khởi nghiệp - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	925	10.00
1309	31211024604	Trần Phạm Thùy	Dương	LH001 - Quản trị lễ hành 01 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	665	10.00
1310	31211024604	Trần Phạm Thùy	Dương	LH001 - Quản trị lễ hành 01 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	665	9.00
1311	31211028107	Võ Hiếu	Ngân	LH001 - Quản trị lễ hành 01 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	625	10.00
1312	31211028107	Võ Hiếu	Ngân	LH001 - Quản trị lễ hành 01 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	625	10.00
1313	31211028107	Võ Hiếu	Ngân	LH001 - Quản trị lễ hành 01 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	625	9.00
1314	31211028107	Võ Hiếu	Ngân	LH001 - Quản trị lễ hành 01 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	625	8.00
1315	31211025746	Nguyễn Ngọc Kim	Tuyền	LH001 - Quản trị lễ hành 01 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	825	10.00
1316	31211025746	Nguyễn Ngọc Kim	Tuyền	LH001 - Quản trị lễ hành 01 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	825	10.00
1317	31211025746	Nguyễn Ngọc Kim	Tuyền	LH001 - Quản trị lễ hành 01 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	825	10.00
1318	31211025746	Nguyễn Ngọc Kim	Tuyền	LH001 - Quản trị lễ hành 01 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	825	10.00
1319	31211025523	Võ Anh	Kiệt	LH002 - Quản trị lễ hành 02 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	655	10.00
1320	31211025523	Võ Anh	Kiệt	LH002 - Quản trị lễ hành 02 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	655	10.00
1321	31211025523	Võ Anh	Kiệt	LH002 - Quản trị lễ hành 02 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	655	10.00
1322	31211025523	Võ Anh	Kiệt	LH002 - Quản trị lễ hành 02 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	655	9.00
1323	31211028109	Nguyễn Thị Xuân	Nghi	LH002 - Quản trị lễ hành 02 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	585	10.00
1324	31211028109	Nguyễn Thị Xuân	Nghi	LH002 - Quản trị lễ hành 02 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	585	9.00
1325	31211028109	Nguyễn Thị Xuân	Nghi	LH002 - Quản trị lễ hành 02 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	585	8.00
1326	31211028109	Nguyễn Thị Xuân	Nghi	LH002 - Quản trị lễ hành 02 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	585	7.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1327	31211020449	Quách Bích	Ngọc	LH002 - Quản trị lễ hành 02 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	640	10.00
1328	31211020449	Quách Bích	Ngọc	LH002 - Quản trị lễ hành 02 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	640	10.00
1329	31211020449	Quách Bích	Ngọc	LH002 - Quản trị lễ hành 02 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	640	9.00
1330	31211020449	Quách Bích	Ngọc	LH002 - Quản trị lễ hành 02 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	640	8.00
1331	31211028137	Huỳnh Ngọc Uyên	Phương	LH002 - Quản trị lễ hành 02 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	620	10.00
1332	31211028137	Huỳnh Ngọc Uyên	Phương	LH002 - Quản trị lễ hành 02 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	620	10.00
1333	31211028137	Huỳnh Ngọc Uyên	Phương	LH002 - Quản trị lễ hành 02 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	620	9.00
1334	31211028137	Huỳnh Ngọc Uyên	Phương	LH002 - Quản trị lễ hành 02 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	620	8.00
1335	31211028205	Nguyễn Trương Mỹ	Uyên	LH002 - Quản trị lễ hành 02 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	775	10.00
1336	31211028205	Nguyễn Trương Mỹ	Uyên	LH002 - Quản trị lễ hành 02 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	775	10.00
1337	31211028205	Nguyễn Trương Mỹ	Uyên	LH002 - Quản trị lễ hành 02 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	775	10.00
1338	31211028205	Nguyễn Trương Mỹ	Uyên	LH002 - Quản trị lễ hành 02 - K47	Quản trị lễ hành - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	775	10.00
1339	31211022967	Hồ Thiên	Thảo	HR001 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	885	10.00
1340	31211022967	Hồ Thiên	Thảo	HR001 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	885	10.00
1341	31211022967	Hồ Thiên	Thảo	HR001 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	885	10.00
1342	31211022967	Hồ Thiên	Thảo	HR001 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	885	10.00
1343	31211024268	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	HR001 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	840	10.00
1344	31211024268	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	HR001 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	840	10.00
1345	31211024268	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	HR001 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	840	10.00
1346	31211024268	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	HR001 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	840	10.00
1347	31211022623	Nguyễn Thị Thu	Trang	HR001 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	825	10.00
1348	31211022333	Phan Thanh	Tuyền	HR001 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	635	10.00
1349	31211022333	Phan Thanh	Tuyền	HR001 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	635	10.00
1350	31211022333	Phan Thanh	Tuyền	HR001 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	635	9.00
1351	31211022333	Phan Thanh	Tuyền	HR001 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	635	8.00
1352	31211022271	Nguyễn Quốc Gia	Ân	HR002 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	665	10.00
1353	31211022271	Nguyễn Quốc Gia	Ân	HR002 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	665	10.00
1354	31211022271	Nguyễn Quốc Gia	Ân	HR002 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	665	10.00
1355	31211022271	Nguyễn Quốc Gia	Ân	HR002 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	665	9.00
1356	31211022281	Nguyễn Kim	Hiền	HR002 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	730	10.00
1357	31211022281	Nguyễn Kim	Hiền	HR002 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	730	10.00
1358	31211022281	Nguyễn Kim	Hiền	HR002 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	730	10.00
1359	31211022281	Nguyễn Kim	Hiền	HR002 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	730	10.00
1360	31211020102	Lê Thị Thùy	Trang	HR002 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	760	10.00
1361	31211024598	Thái Cẩm	Duyên	HR003 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	625	10.00
1362	31211024598	Thái Cẩm	Duyên	HR003 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	625	10.00
1363	31211024598	Thái Cẩm	Duyên	HR003 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	625	9.00
1364	31211024598	Thái Cẩm	Duyên	HR003 - Quản trị nhân lực K47	Quản trị nhân lực - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	625	8.00
1365	31211026368	Tạ Thị Khánh	Hòa	RM001 - Quản trị rủi ro tài chính 01 - K47	Quản trị rủi ro Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	795	10.00
1366	31211026368	Tạ Thị Khánh	Hòa	RM001 - Quản trị rủi ro tài chính 01 - K47	Quản trị rủi ro Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	795	10.00
1367	31211026368	Tạ Thị Khánh	Hòa	RM001 - Quản trị rủi ro tài chính 01 - K47	Quản trị rủi ro Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	795	10.00
1368	31211026368	Tạ Thị Khánh	Hòa	RM001 - Quản trị rủi ro tài chính 01 - K47	Quản trị rủi ro Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	795	10.00
1369	31211021665	Hứa Thị Thu	Thảo	RM001 - Quản trị rủi ro tài chính 01 - K47	Quản trị rủi ro Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	840	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1370	31211021665	Hứa Thị Thu	Thảo	RM001 - Quản trị rủi ro tài chính 01 - K47	Quản trị rủi ro Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	840	10.00
1371	31211021665	Hứa Thị Thu	Thảo	RM001 - Quản trị rủi ro tài chính 01 - K47	Quản trị rủi ro Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	840	10.00
1372	31211021665	Hứa Thị Thu	Thảo	RM001 - Quản trị rủi ro tài chính 01 - K47	Quản trị rủi ro Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	840	10.00
1373	31211025283	Bùi Minh Bảo	Trung	RM001 - Quản trị rủi ro tài chính 01 - K47	Quản trị rủi ro Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	670	10.00
1374	31211025283	Bùi Minh Bảo	Trung	RM001 - Quản trị rủi ro tài chính 01 - K47	Quản trị rủi ro Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	670	10.00
1375	31211025283	Bùi Minh Bảo	Trung	RM001 - Quản trị rủi ro tài chính 01 - K47	Quản trị rủi ro Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	670	10.00
1376	31211025283	Bùi Minh Bảo	Trung	RM001 - Quản trị rủi ro tài chính 01 - K47	Quản trị rủi ro Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	670	9.00
1377	31211028301	Văn Dương Thiên	Lam	SK001 - Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí 01 - K47	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	810	10.00
1378	31211028301	Văn Dương Thiên	Lam	SK001 - Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí 01 - K47	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	810	10.00
1379	31211028301	Văn Dương Thiên	Lam	SK001 - Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí 01 - K47	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	810	10.00
1380	31211028301	Văn Dương Thiên	Lam	SK001 - Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí 01 - K47	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	810	10.00
1381	31211028314	Dương Quý	Mi	SK001 - Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí 01 - K47	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí - Khóa 47	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.5	10.00
1382	31211028347	Lê Nguyễn Yến	Nhi	SK001 - Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí 01 - K47	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	780	10.00
1383	31211028347	Lê Nguyễn Yến	Nhi	SK001 - Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí 01 - K47	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	780	10.00
1384	31211028347	Lê Nguyễn Yến	Nhi	SK001 - Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí 01 - K47	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	780	10.00
1385	31211028347	Lê Nguyễn Yến	Nhi	SK001 - Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí 01 - K47	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	780	10.00
1386	31211028222	Lê Nguyễn Hoài	An	SK002 - Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí 02 - K47	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	740	10.00
1387	31211028222	Lê Nguyễn Hoài	An	SK002 - Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí 02 - K47	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	740	10.00
1388	31211021607	Hà Kiến	Trung	INFN1 - Bảo hiểm K47	Song ngành Bảo hiểm và Tài chính - K47	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6	10.00
1389	31211021607	Hà Kiến	Trung	INFN1 - Bảo hiểm K47	Song ngành Bảo hiểm và Tài chính - K47	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6	10.00
1390	31211021607	Hà Kiến	Trung	INFN1 - Bảo hiểm K47	Song ngành Bảo hiểm và Tài chính - K47	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6	10.00
1391	31211021607	Hà Kiến	Trung	INFN1 - Bảo hiểm K47	Song ngành Bảo hiểm và Tài chính - K47	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6	9.00
1392	31211027921	Nguyễn Nguyệt	Minh	ARLM1 - Kinh doanh nông nghiệp K47	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	585	10.00
1393	31211027921	Nguyễn Nguyệt	Minh	ARLM1 - Kinh doanh nông nghiệp K47	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	585	9.00
1394	31211027921	Nguyễn Nguyệt	Minh	ARLM1 - Kinh doanh nông nghiệp K47	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	585	8.00
1395	31211027921	Nguyễn Nguyệt	Minh	ARLM1 - Kinh doanh nông nghiệp K47	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	585	7.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1396	31211027144	Huỳnh Ngọc	Tiên	ARLM1 - Kinh doanh nông nghiệp K47	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	685	10.00
1397	31211027144	Huỳnh Ngọc	Tiên	ARLM1 - Kinh doanh nông nghiệp K47	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	685	10.00
1398	31211027144	Huỳnh Ngọc	Tiên	ARLM1 - Kinh doanh nông nghiệp K47	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	685	10.00
1399	31211027144	Huỳnh Ngọc	Tiên	ARLM1 - Kinh doanh nông nghiệp K47	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	685	9.00
1400	31211025571	Trương Hoàng	Châu	FN001 - Tài chính 01 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	760	10.00
1401	31211025571	Trương Hoàng	Châu	FN001 - Tài chính 01 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	760	10.00
1402	31211025571	Trương Hoàng	Châu	FN001 - Tài chính 01 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	760	10.00
1403	31211025571	Trương Hoàng	Châu	FN001 - Tài chính 01 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	760	10.00
1404	31211022698	Nguyễn Thị Phương	Mai	FN001 - Tài chính 01 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	870	10.00
1405	31211022698	Nguyễn Thị Phương	Mai	FN001 - Tài chính 01 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	870	10.00
1406	31211022698	Nguyễn Thị Phương	Mai	FN001 - Tài chính 01 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	870	10.00
1407	31211022698	Nguyễn Thị Phương	Mai	FN001 - Tài chính 01 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	870	10.00
1408	31211021459	Lê Thị Thanh	Thảo	FN001 - Tài chính 01 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	930	10.00
1409	31211021459	Lê Thị Thanh	Thảo	FN001 - Tài chính 01 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	930	10.00
1410	31211021459	Lê Thị Thanh	Thảo	FN001 - Tài chính 01 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	930	10.00
1411	31211021459	Lê Thị Thanh	Thảo	FN001 - Tài chính 01 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	930	10.00
1412	31211026691	Nguyễn Thị Thu	Trang	FN001 - Tài chính 01 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	850	10.00
1413	31211026691	Nguyễn Thị Thu	Trang	FN001 - Tài chính 01 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	850	10.00
1414	31211026691	Nguyễn Thị Thu	Trang	FN001 - Tài chính 01 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	850	10.00
1415	31211026691	Nguyễn Thị Thu	Trang	FN001 - Tài chính 01 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	850	10.00
1416	31211023704	Phan Lê Thảo	Vy	FN001 - Tài chính 01 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	935	10.00
1417	31211023704	Phan Lê Thảo	Vy	FN001 - Tài chính 01 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	935	10.00
1418	31211023704	Phan Lê Thảo	Vy	FN001 - Tài chính 01 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	935	10.00
1419	31211023704	Phan Lê Thảo	Vy	FN001 - Tài chính 01 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	935	10.00
1420	31211021195	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	FN002 - Tài chính 02 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	820	10.00
1421	31211021195	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	FN002 - Tài chính 02 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	820	10.00
1422	31211021195	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	FN002 - Tài chính 02 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	820	10.00
1423	31211021195	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	FN002 - Tài chính 02 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	820	10.00
1424	31211026017	Lê Thúy	Hằng	FN002 - Tài chính 02 - K47	Tài chính - Khóa 47	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.5	10.00
1425	31211026017	Lê Thúy	Hằng	FN002 - Tài chính 02 - K47	Tài chính - Khóa 47	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.5	10.00
1426	31211026017	Lê Thúy	Hằng	FN002 - Tài chính 02 - K47	Tài chính - Khóa 47	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.5	10.00
1427	31211026017	Lê Thúy	Hằng	FN002 - Tài chính 02 - K47	Tài chính - Khóa 47	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.5	10.00
1428	31211024146	Nguyễn Huệ	Linh	FN002 - Tài chính 02 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	820	10.00
1429	31211024146	Nguyễn Huệ	Linh	FN002 - Tài chính 02 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	820	10.00
1430	31211024146	Nguyễn Huệ	Linh	FN002 - Tài chính 02 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	820	10.00
1431	31211024146	Nguyễn Huệ	Linh	FN002 - Tài chính 02 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	820	10.00
1432	31211021478	Mai Thị Thanh	Thủy	FN002 - Tài chính 02 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	755	10.00
1433	31211021478	Mai Thị Thanh	Thủy	FN002 - Tài chính 02 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	755	10.00
1434	31211021478	Mai Thị Thanh	Thủy	FN002 - Tài chính 02 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	755	10.00
1435	31211021478	Mai Thị Thanh	Thủy	FN002 - Tài chính 02 - K47	Tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	755	10.00
1436	31211021265	Bùi Thị Mai	Trâm	FNC02 - Tài chính CLC TA K47	Tài chính CLC (TA) - K47	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.0	9.00
1437	31211021265	Bùi Thị Mai	Trâm	FNC02 - Tài chính CLC TA K47	Tài chính CLC (TA) - K47	IELTS	ENG513111	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 5	6.0	8.00
1438	31211024402	Đậu Trần Khánh	Trang	FNC02 - Tài chính CLC TA K47	Tài chính CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	770	10.00
1439	31211024402	Đậu Trần Khánh	Trang	FNC02 - Tài chính CLC TA K47	Tài chính CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	770	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1488	31211026943	Lê Nhựt	Thảo	FNC03 - Tài chính CLC TA K47	Tài chính CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513112	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 6	825	9.00
1489	31211020640	Lê Thanh	Trúc	FNC03 - Tài chính CLC TA K47	Tài chính CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	780	10.00
1490	31211020640	Lê Thanh	Trúc	FNC03 - Tài chính CLC TA K47	Tài chính CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	780	10.00
1491	31211020640	Lê Thanh	Trúc	FNC03 - Tài chính CLC TA K47	Tài chính CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	780	10.00
1492	31211020640	Lê Thanh	Trúc	FNC03 - Tài chính CLC TA K47	Tài chính CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	780	10.00
1493	31211020640	Lê Thanh	Trúc	FNC03 - Tài chính CLC TA K47	Tài chính CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513111	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 5	780	9.00
1494	31211020640	Lê Thanh	Trúc	FNC03 - Tài chính CLC TA K47	Tài chính CLC (TA) - K47	TOEIC	ENG513112	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 6	780	8.00
1495	31211025876	Lê Minh	Khoa	FNC04 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.0	10.00
1496	31211025876	Lê Minh	Khoa	FNC04 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.0	10.00
1497	31211025876	Lê Minh	Khoa	FNC04 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.0	10.00
1498	31211025876	Lê Minh	Khoa	FNC04 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.0	10.00
1499	31211023876	Nguyễn Quỳnh	Như	FNC04 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.0	8.00
1500	31211026278	Phạm Ngọc Chiêu	Anh	FNC05 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	810	10.00
1501	31211026278	Phạm Ngọc Chiêu	Anh	FNC05 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	810	10.00
1502	31211025878	Lê Phương	Thảo	FNC05 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	715	10.00
1503	31211025878	Lê Phương	Thảo	FNC05 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	715	10.00
1504	31211025878	Lê Phương	Thảo	FNC05 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	715	10.00
1505	31211025878	Lê Phương	Thảo	FNC05 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	715	9.00
1506	31211024499	Trần Thị Như	Ý	FNC05 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	810	10.00
1507	31211024499	Trần Thị Như	Ý	FNC05 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	810	10.00
1508	31211021239	Lê Quý	Dương	FNC06 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	820	10.00
1509	31211021239	Lê Quý	Dương	FNC06 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	820	10.00
1510	31211021239	Lê Quý	Dương	FNC06 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	820	10.00
1511	31211021239	Lê Quý	Dương	FNC06 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	820	10.00
1512	31211023713	Lê Nguyễn Huyền	Mi	FNC06 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	825	10.00
1513	31211023713	Lê Nguyễn Huyền	Mi	FNC06 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	825	10.00
1514	31211023713	Lê Nguyễn Huyền	Mi	FNC06 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	825	10.00
1515	31211023713	Lê Nguyễn Huyền	Mi	FNC06 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	825	10.00
1516	31211023380	Nguyễn Trần Thị Thu	Nguyệt	FNC06 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	755	10.00
1517	31211023380	Nguyễn Trần Thị Thu	Nguyệt	FNC06 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	755	10.00
1518	31211023380	Nguyễn Trần Thị Thu	Nguyệt	FNC06 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	755	10.00
1519	31211023380	Nguyễn Trần Thị Thu	Nguyệt	FNC06 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	755	9.00
1520	31211026214	Phan Thị Kim	Tuyến	FNC06 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	825	10.00
1521	31211026214	Phan Thị Kim	Tuyến	FNC06 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	825	10.00
1522	31211026203	Nguyễn Tuấn	Khôi	FNC07 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	815	10.00
1523	31211026203	Nguyễn Tuấn	Khôi	FNC07 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	815	10.00
1524	31211026203	Nguyễn Tuấn	Khôi	FNC07 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	815	10.00
1525	31211026203	Nguyễn Tuấn	Khôi	FNC07 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	815	10.00
1526	31211025538	Hồ Gia	Kiệt	FNC07 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	895	10.00
1527	31211025538	Hồ Gia	Kiệt	FNC07 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	895	10.00
1528	31211025538	Hồ Gia	Kiệt	FNC07 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	895	10.00
1529	31211025538	Hồ Gia	Kiệt	FNC07 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	895	10.00
1530	31211026851	Ấu Như	Quỳnh	FNC07 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	590	9.00
1531	31211026851	Ấu Như	Quỳnh	FNC07 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	590	8.00
1532	31211025500	Trương Thị Ngọc	Tú	FNC07 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	730	10.00
1533	31211025500	Trương Thị Ngọc	Tú	FNC07 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	730	10.00
1534	31211025500	Trương Thị Ngọc	Tú	FNC07 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	730	10.00
1535	31211025500	Trương Thị Ngọc	Tú	FNC07 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	730	9.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1536	31211020144	Bùi Nguyệt	Nhi	FNC09 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	675	10.00
1537	31211020144	Bùi Nguyệt	Nhi	FNC09 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	675	10.00
1538	31211020144	Bùi Nguyệt	Nhi	FNC09 - Tài chính CLC TV K47	Tài chính CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	675	9.00
1539	31211023130	Trần Thị Thu	Hoài	PF001 - Tài chính công O1 - K47	Tài chính công - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	640	10.00
1540	31211023130	Trần Thị Thu	Hoài	PF001 - Tài chính công O1 - K47	Tài chính công - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	640	10.00
1541	31211024912	Lưu Hoàng	Dung	IF001 - Tài chính quốc tế O1 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	855	10.00
1542	31211024912	Lưu Hoàng	Dung	IF001 - Tài chính quốc tế O1 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	855	10.00
1543	31211024912	Lưu Hoàng	Dung	IF001 - Tài chính quốc tế O1 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	855	10.00
1544	31211024912	Lưu Hoàng	Dung	IF001 - Tài chính quốc tế O1 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	855	10.00
1545	31211021621	Đặng Ngân	Giang	IF001 - Tài chính quốc tế O1 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	680	10.00
1546	31211021621	Đặng Ngân	Giang	IF001 - Tài chính quốc tế O1 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	680	10.00
1547	31211021621	Đặng Ngân	Giang	IF001 - Tài chính quốc tế O1 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	680	10.00
1548	31211021621	Đặng Ngân	Giang	IF001 - Tài chính quốc tế O1 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	680	9.00
1549	31211023641	Nguyễn Phú	Quốc	IF001 - Tài chính quốc tế O1 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	740	10.00
1550	31211023641	Nguyễn Phú	Quốc	IF001 - Tài chính quốc tế O1 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	740	10.00
1551	31211023641	Nguyễn Phú	Quốc	IF001 - Tài chính quốc tế O1 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	740	10.00
1552	31211023641	Nguyễn Phú	Quốc	IF001 - Tài chính quốc tế O1 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	740	10.00
1553	31211023937	Mai Anh	Thư	IF001 - Tài chính quốc tế O1 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	825	10.00
1554	31211023937	Mai Anh	Thư	IF001 - Tài chính quốc tế O1 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	825	10.00
1555	31211023937	Mai Anh	Thư	IF001 - Tài chính quốc tế O1 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	825	10.00
1556	31211023937	Mai Anh	Thư	IF001 - Tài chính quốc tế O1 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	825	10.00
1557	31211021674	Châu Thục	Trần	IF001 - Tài chính quốc tế O1 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	815	10.00
1558	31211021674	Châu Thục	Trần	IF001 - Tài chính quốc tế O1 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	815	10.00
1559	31211021674	Châu Thục	Trần	IF001 - Tài chính quốc tế O1 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	815	10.00
1560	31211021674	Châu Thục	Trần	IF001 - Tài chính quốc tế O1 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	815	10.00
1561	31211022528	Trần Ngọc	Anh	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	660	10.00
1562	31211022528	Trần Ngọc	Anh	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	660	10.00
1563	31211022528	Trần Ngọc	Anh	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	660	10.00
1564	31211022528	Trần Ngọc	Anh	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	660	9.00
1565	31211022531	Nguyễn Thị	Mai	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	885	10.00
1566	31211022531	Nguyễn Thị	Mai	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	885	10.00
1567	31211022531	Nguyễn Thị	Mai	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	885	10.00
1568	31211022531	Nguyễn Thị	Mai	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	885	10.00
1569	31211025277	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.0	10.00
1570	31211025277	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.0	10.00
1571	31211025277	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.0	10.00
1572	31211025277	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.0	9.00
1573	31211026876	Võ Ngọc Như	Quỳnh	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	885	10.00
1574	31211026876	Võ Ngọc Như	Quỳnh	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	885	10.00
1575	31211026876	Võ Ngọc Như	Quỳnh	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	885	10.00
1576	31211026876	Võ Ngọc Như	Quỳnh	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	885	10.00
1577	31211021673	Phạm Nguyễn Tú	Trâm	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	800	10.00
1578	31211021673	Phạm Nguyễn Tú	Trâm	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	800	10.00
1579	31211021673	Phạm Nguyễn Tú	Trâm	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	800	10.00
1580	31211021673	Phạm Nguyễn Tú	Trâm	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	800	10.00
1581	31211022648	Nguyễn Thu	Trang	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	735	10.00
1582	31211022648	Nguyễn Thu	Trang	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	735	10.00
1583	31211022648	Nguyễn Thu	Trang	IF002 - Tài chính quốc tế O2 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	735	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1584	31211022648	Nguyễn Thu	Trang	IF002 - Tài chính quốc tế 02 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	735	10.00
1585	31211024551	Võ Văn	Trung	IF002 - Tài chính quốc tế 02 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	830	10.00
1586	31211024551	Võ Văn	Trung	IF002 - Tài chính quốc tế 02 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	830	10.00
1587	31211024551	Võ Văn	Trung	IF002 - Tài chính quốc tế 02 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	830	10.00
1588	31211024551	Võ Văn	Trung	IF002 - Tài chính quốc tế 02 - K47	Tài chính quốc tế - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	830	10.00
1589	31211020586	Tôn Hoàng Quỳnh	Anh	VAC01 - Thẩm định giá và Quản trị tài sản CLC TV K47	Thẩm định giá và QTTS CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	810	10.00
1590	31211020586	Tôn Hoàng Quỳnh	Anh	VAC01 - Thẩm định giá và Quản trị tài sản CLC TV K47	Thẩm định giá và QTTS CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	810	10.00
1591	31211020586	Tôn Hoàng Quỳnh	Anh	VAC01 - Thẩm định giá và Quản trị tài sản CLC TV K47	Thẩm định giá và QTTS CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	810	10.00
1592	31211020586	Tôn Hoàng Quỳnh	Anh	VAC01 - Thẩm định giá và Quản trị tài sản CLC TV K47	Thẩm định giá và QTTS CLC (TV) - K47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	810	10.00
1593	31211026477	Mai Tiểu	Ngân	VA001 - Thẩm định giá và Quản trị tài sản 01 - K47	Thẩm định giá và quản trị tài sản - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	710	10.00
1594	31211026477	Mai Tiểu	Ngân	VA001 - Thẩm định giá và Quản trị tài sản 01 - K47	Thẩm định giá và quản trị tài sản - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	710	10.00
1595	31211026477	Mai Tiểu	Ngân	VA001 - Thẩm định giá và Quản trị tài sản 01 - K47	Thẩm định giá và quản trị tài sản - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	710	10.00
1596	31211026477	Mai Tiểu	Ngân	VA001 - Thẩm định giá và Quản trị tài sản 01 - K47	Thẩm định giá và quản trị tài sản - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	710	10.00
1597	31211021206	Trương Thị Hoài	Ân	TT001 - Thị trường chứng khoán 01 - K47	Thị trường chứng khoán - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	670	10.00
1598	31211021206	Trương Thị Hoài	Ân	TT001 - Thị trường chứng khoán 01 - K47	Thị trường chứng khoán - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	670	10.00
1599	31211021206	Trương Thị Hoài	Ân	TT001 - Thị trường chứng khoán 01 - K47	Thị trường chứng khoán - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	670	10.00
1600	31211021206	Trương Thị Hoài	Ân	TT001 - Thị trường chứng khoán 01 - K47	Thị trường chứng khoán - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	670	9.00
1601	31211020321	Hoàng Vũ Nhật	Hạ	TK001 - Thống kê kinh doanh K47	Thống kê kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	690	10.00
1602	31211020321	Hoàng Vũ Nhật	Hạ	TK001 - Thống kê kinh doanh K47	Thống kê kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	690	9.00
1603	31211022532	Đặng Thị Việt	Trung	TK001 - Thống kê kinh doanh K47	Thống kê kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	960	10.00
1604	31211022532	Đặng Thị Việt	Trung	TK001 - Thống kê kinh doanh K47	Thống kê kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	960	10.00
1605	31211022532	Đặng Thị Việt	Trung	TK001 - Thống kê kinh doanh K47	Thống kê kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	960	10.00
1606	31211025732	Trần Huỳnh	Vũ	TK001 - Thống kê kinh doanh K47	Thống kê kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	845	10.00
1607	31211025732	Trần Huỳnh	Vũ	TK001 - Thống kê kinh doanh K47	Thống kê kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	845	10.00
1608	31211025894	Vũ Hải	Yến	TK001 - Thống kê kinh doanh K47	Thống kê kinh doanh - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	680	10.00
1609	31211021890	Võ Thúy	Ngân	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Thuế trong kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	695	10.00
1610	31211021890	Võ Thúy	Ngân	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Thuế trong kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	695	10.00
1611	31211021890	Võ Thúy	Ngân	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Thuế trong kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	695	10.00
1612	31211021890	Võ Thúy	Ngân	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Thuế trong kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	695	9.00
1613	31211021890	Võ Thúy	Ngân	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Thuế trong kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	695	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1614	31211021890	Võ Thúy	Ngân	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Thuế trong kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	695	10.00
1615	31211021890	Võ Thúy	Ngân	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Thuế trong kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	695	9.00
1616	31211021890	Võ Thúy	Ngân	KNC02 - Kế toán doanh nghiệp CLC TV K47	Thuế trong kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	695	8.00
1617	31211025680	Lê Quang	Trung	TB001 - Thuế trong kinh doanh 01 - K47	Thuế trong kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	805	10.00
1618	31211025680	Lê Quang	Trung	TB001 - Thuế trong kinh doanh 01 - K47	Thuế trong kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	805	10.00
1619	31211025680	Lê Quang	Trung	TB001 - Thuế trong kinh doanh 01 - K47	Thuế trong kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	805	10.00
1620	31211025680	Lê Quang	Trung	TB001 - Thuế trong kinh doanh 01 - K47	Thuế trong kinh doanh - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	805	10.00
1621	31211021118	Nguyễn Tố	Bình	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	860	10.00
1622	31211021118	Nguyễn Tố	Bình	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	860	10.00
1623	31211021118	Nguyễn Tố	Bình	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	860	10.00
1624	31211021118	Nguyễn Tố	Bình	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	860	10.00
1625	31211024514	Hà Quang	Huy	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.5	10.00
1626	31211024514	Hà Quang	Huy	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.5	10.00
1627	31211024514	Hà Quang	Huy	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.5	10.00
1628	31211024514	Hà Quang	Huy	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.5	10.00
1629	31211023120	Hoàng Đức	Luật	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	775	10.00
1630	31211023120	Hoàng Đức	Luật	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	775	10.00
1631	31211023120	Hoàng Đức	Luật	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	775	10.00
1632	31211023120	Hoàng Đức	Luật	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	775	10.00
1633	31211021141	Lã Thị Ngọc	Mai	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	815	10.00
1634	31211021141	Lã Thị Ngọc	Mai	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	815	10.00
1635	31211021141	Lã Thị Ngọc	Mai	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	815	10.00
1636	31211021141	Lã Thị Ngọc	Mai	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	815	10.00
1637	31211023123	Thái Trường	Thịnh	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	840	10.00
1638	31211023123	Thái Trường	Thịnh	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	840	10.00
1639	31211023123	Thái Trường	Thịnh	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	840	10.00
1640	31211023123	Thái Trường	Thịnh	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	840	10.00
1641	31211023346	Lưu Nguyễn Minh	Thư	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.5	10.00
1642	31211023346	Lưu Nguyễn Minh	Thư	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.5	10.00
1643	31211023346	Lưu Nguyễn Minh	Thư	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.5	10.00
1644	31211023346	Lưu Nguyễn Minh	Thư	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.5	10.00
1645	31211021175	Phạm Minh	Toàn	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	795	10.00
1646	31211021175	Phạm Minh	Toàn	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	795	10.00
1647	31211021175	Phạm Minh	Toàn	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	795	10.00
1648	31211021175	Phạm Minh	Toàn	EE001 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	795	10.00
1649	31211021125	Phan Thị Phương	Hằng	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	825	10.00
1650	31211021125	Phan Thị Phương	Hằng	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	825	10.00
1651	31211021125	Phan Thị Phương	Hằng	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	825	10.00
1652	31211021125	Phan Thị Phương	Hằng	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	825	10.00
1653	31211021131	Dương Văn	Khánh	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	785	10.00
1654	31211021131	Dương Văn	Khánh	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	785	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CĐĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1655	31211021131	Dương Văn	Khánh	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	785	10.00
1656	31211021131	Dương Văn	Khánh	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	785	10.00
1657	31211021133	Phùng Hồ Minh	Khuê	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	730	10.00
1658	31211021133	Phùng Hồ Minh	Khuê	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	730	10.00
1659	31211021133	Phùng Hồ Minh	Khuê	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	730	10.00
1660	31211021133	Phùng Hồ Minh	Khuê	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	730	10.00
1661	31211023337	Nguyễn Hoàng	Minh	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	700	10.00
1662	31211023337	Nguyễn Hoàng	Minh	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	700	10.00
1663	31211023337	Nguyễn Hoàng	Minh	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	700	10.00
1664	31211023337	Nguyễn Hoàng	Minh	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	700	10.00
1665	31211026750	Dương Nhu	Mỹ	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	715	10.00
1666	31211026750	Dương Nhu	Mỹ	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	715	10.00
1667	31211026750	Dương Nhu	Mỹ	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	715	10.00
1668	31211026750	Dương Nhu	Mỹ	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	715	10.00
1669	31211022490	Bùi Thị Diệu	Nguyệt	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	860	10.00
1670	31211022490	Bùi Thị Diệu	Nguyệt	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	860	10.00
1671	31211022490	Bùi Thị Diệu	Nguyệt	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	860	10.00
1672	31211022490	Bùi Thị Diệu	Nguyệt	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	860	10.00
1673	31211021164	Phạm Thị Thu	Phương	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	635	10.00
1674	31211021164	Phạm Thị Thu	Phương	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	635	10.00
1675	31211021164	Phạm Thị Thu	Phương	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	635	9.00
1676	31211021172	Nguyễn Thị Minh	Thư	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	680	10.00
1677	31211021172	Nguyễn Thị Minh	Thư	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	680	10.00
1678	31211021172	Nguyễn Thị Minh	Thư	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	680	10.00
1679	31211021177	Võ Huỳnh Huệ	Trâm	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	830	10.00
1680	31211021177	Võ Huỳnh Huệ	Trâm	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	830	10.00
1681	31211021177	Võ Huỳnh Huệ	Trâm	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	830	10.00
1682	31211021177	Võ Huỳnh Huệ	Trâm	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	830	10.00
1683	31211020044	Trần Thị Mỹ	Yến	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	755	10.00
1684	31211020044	Trần Thị Mỹ	Yến	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	755	10.00
1685	31211020044	Trần Thị Mỹ	Yến	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	755	10.00
1686	31211020044	Trần Thị Mỹ	Yến	EE002 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	755	10.00
1687	31211023334	Khương Thế	Duy	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	710	10.00
1688	31211023334	Khương Thế	Duy	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	710	10.00
1689	31211023334	Khương Thế	Duy	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	710	10.00
1690	31211023334	Khương Thế	Duy	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	710	10.00
1691	31211026749	Đặng Thanh	Huy	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	750	10.00
1692	31211026749	Đặng Thanh	Huy	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	750	10.00
1693	31211026749	Đặng Thanh	Huy	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	750	10.00
1694	31211026749	Đặng Thanh	Huy	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	750	10.00
1695	31211026558	Nguyễn Trung	Nguyên	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	750	10.00
1696	31211026558	Nguyễn Trung	Nguyên	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	750	10.00
1697	31211026558	Nguyễn Trung	Nguyên	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	750	10.00
1698	31211026558	Nguyễn Trung	Nguyên	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	750	10.00
1699	31211021161	Võ Thị Yến	Oanh	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	750	10.00
1700	31211021161	Võ Thị Yến	Oanh	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	750	10.00
1701	31211021161	Võ Thị Yến	Oanh	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	750	10.00
1702	31211021161	Võ Thị Yến	Oanh	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	750	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1703	31211021170	Nguyễn Thị Phương	Thảo	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	695	10.00
1704	31211024672	Nguyễn Phương	Thảo	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	790	10.00
1705	31211021170	Nguyễn Thị Phương	Thảo	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	695	10.00
1706	31211024672	Nguyễn Phương	Thảo	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	790	10.00
1707	31211021170	Nguyễn Thị Phương	Thảo	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	695	10.00
1708	31211024672	Nguyễn Phương	Thảo	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	790	10.00
1709	31211021170	Nguyễn Thị Phương	Thảo	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	695	9.00
1710	31211024672	Nguyễn Phương	Thảo	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	790	10.00
1711	31211026355	Huỳnh Thị	Thúy	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	760	10.00
1712	31211026355	Huỳnh Thị	Thúy	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	760	10.00
1713	31211026355	Huỳnh Thị	Thúy	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	760	10.00
1714	31211026355	Huỳnh Thị	Thúy	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	760	10.00
1715	31211022368	Lê Vũ Thanh	Trúc	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	605	10.00
1716	31211022368	Lê Vũ Thanh	Trúc	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	605	10.00
1717	31211022368	Lê Vũ Thanh	Trúc	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	605	9.00
1718	31211022368	Lê Vũ Thanh	Trúc	EE003 - Thương mại điện tử K47	Thương mại điện tử - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	605	8.00
1719	31211020159	Nguyễn Minh	Thư	AV002 - Tiếng Anh thương mại K47	Tiếng Anh thương mại - K47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	760	10.00
1720	31211020159	Nguyễn Minh	Thư	AV002 - Tiếng Anh thương mại K47	Tiếng Anh thương mại - K47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	760	10.00
1721	31211020159	Nguyễn Minh	Thư	AV002 - Tiếng Anh thương mại K47	Tiếng Anh thương mại - K47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	760	10.00
1722	31211020159	Nguyễn Minh	Thư	AV002 - Tiếng Anh thương mại K47	Tiếng Anh thương mại - K47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	760	10.00
1723	31211024766	Phan Thái	Bảo	FM001 - Toán tài chính 01 - K47	Toán tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	710	10.00
1724	31211024766	Phan Thái	Bảo	FM001 - Toán tài chính 01 - K47	Toán tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	710	10.00
1725	31211024766	Phan Thái	Bảo	FM001 - Toán tài chính 01 - K47	Toán tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	710	10.00
1726	31211024766	Phan Thái	Bảo	FM001 - Toán tài chính 01 - K47	Toán tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	710	10.00
1727	31211021076	Nguyễn Thanh	Dũng	FM001 - Toán tài chính 01 - K47	Toán tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	945	10.00
1728	31211021076	Nguyễn Thanh	Dũng	FM001 - Toán tài chính 01 - K47	Toán tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	945	10.00
1729	31211021076	Nguyễn Thanh	Dũng	FM001 - Toán tài chính 01 - K47	Toán tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	945	10.00
1730	31211021076	Nguyễn Thanh	Dũng	FM001 - Toán tài chính 01 - K47	Toán tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	945	10.00
1731	31211026837	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	FM001 - Toán tài chính 01 - K47	Toán tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	615	10.00
1732	31211023990	Đặng Thị Tố	Uyên	FM001 - Toán tài chính 01 - K47	Toán tài chính - Khóa 47	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.0	10.00
1733	31211024291	Lê Trần Tố	Uyên	FM001 - Toán tài chính 01 - K47	Toán tài chính - Khóa 47	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.5	10.00
1734	31211023990	Đặng Thị Tố	Uyên	FM001 - Toán tài chính 01 - K47	Toán tài chính - Khóa 47	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.0	10.00
1735	31211024291	Lê Trần Tố	Uyên	FM001 - Toán tài chính 01 - K47	Toán tài chính - Khóa 47	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.5	10.00
1736	31211023990	Đặng Thị Tố	Uyên	FM001 - Toán tài chính 01 - K47	Toán tài chính - Khóa 47	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.0	10.00
1737	31211024291	Lê Trần Tố	Uyên	FM001 - Toán tài chính 01 - K47	Toán tài chính - Khóa 47	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.5	10.00
1738	31211023990	Đặng Thị Tố	Uyên	FM001 - Toán tài chính 01 - K47	Toán tài chính - Khóa 47	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.0	9.00
1739	31211024291	Lê Trần Tố	Uyên	FM001 - Toán tài chính 01 - K47	Toán tài chính - Khóa 47	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.5	10.00
1740	31211020883	Trần Thu Bảo	Châu	IB003 - Kinh doanh quốc tế 03 - K47	Toán tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	755	10.00
1741	31211020883	Trần Thu Bảo	Châu	IB003 - Kinh doanh quốc tế 03 - K47	Toán tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	755	10.00
1742	31211020883	Trần Thu Bảo	Châu	IB003 - Kinh doanh quốc tế 03 - K47	Toán tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	755	10.00
1743	31211020883	Trần Thu Bảo	Châu	IB003 - Kinh doanh quốc tế 03 - K47	Toán tài chính - Khóa 47	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	755	10.00

Tổng cộng: 451 sinh viên